



## THÔNG TIN QUAN TRỌNG

Đây là những thông tin quan trọng dành cho nhà đầu tư trước khi thực hiện việc đăng ký mua chứng chỉ Quỹ đầu tư trái phiếu Việt Nam (DCBF) - sau đây gọi tắt là Quỹ DCBF. Nhà đầu tư cần đọc và nghiên cứu kỹ trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ.

Chứng chỉ Quỹ DCBF được phép phát hành ra công chúng dựa trên những thông tin và cam kết được công bố tại Bản cáo bạch này. Bất kỳ thông tin hoặc cam kết nào khác do người môi giới, đại lý phân phối hay những người khác đưa ra sẽ không được xem là đưa ra theo sự ủy quyền của Quỹ, Công ty Quản lý quỹ hay người đại diện của Quỹ hoặc Công ty quản lý quỹ. Không người nào có quyền đưa ra bất kỳ thông tin hay cam kết nào khác với những nội dung trong Bản cáo bạch này và những văn bản đính kèm. Chứng chỉ Quỹ DCBF được phát hành dựa trên những thông tin và cam kết được công bố trong Bản cáo bạch và thông tin tài chính đi kèm. Việc lưu hành Bản cáo bạch cũng như phân phối hay phát hành Chứng chỉ Quỹ trong bất kỳ trường hợp nào cũng không tạo ra bất kỳ sự ám chỉ nào về việc không có bất kỳ thay đổi nào về tình hình hoạt động của Quỹ kể từ ngày ban hành Bản cáo bạch này.

Bản cáo bạch này không tạo ra việc chào bán hoặc thuyết phục bởi bất kỳ người nào tại bất kỳ quốc gia nào mà việc chào bán hoặc thuyết phục đó không được phê chuẩn hoặc chào bán hoặc thuyết phục cho bất kỳ người nào không được phép theo quy định pháp luật của nước đó. Việc lưu hành Bản cáo bạch và phân phối chứng chỉ quỹ ở một số quốc gia có thể bị giới hạn bởi luật pháp nước đó. Nhà đầu tư có nhu cầu đăng ký mua chứng chỉ quỹ có trách nhiệm cập nhật, hiểu và tuân thủ bất kỳ hạn chế nào nói trên cùng với các quy định luật pháp về quản lý ngoại hối, thuế quan hiện hành tại nước nơi họ cư trú, thường trú hoặc tạm trú.

Nhà đầu tư (kể cả nhà đầu tư nước ngoài) cần tham khảo ý kiến chuyên môn để biết thêm về vấn đề thuế, các quy định pháp luật và các giao dịch ngoại tệ và biện pháp kiểm soát hối đoái liên quan đến việc mua, bán và nắm giữ chứng chỉ Quỹ sẽ bị điều chỉnh bởi pháp luật của nước mình như thế nào.

Nhà đầu tư nên hiểu và đồng ý rằng giá trị chứng chỉ quỹ và thu nhập (nếu có) từ việc đầu tư vào Quỹ có thể tăng lên hay giảm xuống. Theo đó, tại thời điểm giải thể Quỹ, giá trị thu hồi của các chứng chỉ Quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ có thể thấp hơn giá trị ban đầu.

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng, kết quả hoạt động trong quá khứ của Công ty Quản lý quỹ không nhất thiết hàm ý rằng hiệu quả hoạt động trong tương lai của Công ty cũng sẽ như vậy.

Nhà đầu tư cần đọc kỹ Bản cáo bạch này, Điều lệ Quỹ và các tài liệu khác có liên quan đến Quỹ DCBF do Công ty Quản lý quỹ và các đại lý phân phối được Công ty Quản lý quỹ chỉ định, được nêu trong Bản cáo bạch này trước khi đầu tư vào Quỹ.

Đặc biệt, giá trị chứng chỉ Quỹ, khả năng sinh lời và mức rủi ro được xác định trong tài liệu này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường. Việc đầu tư vào Quỹ DCBF không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư, nhà đầu tư cũng cần xem xét kỹ các yếu tố rủi ro trong việc đầu tư vào chứng chỉ Quỹ được nêu trong Bản cáo bạch này.



## MỤC LỤC

<b>I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....</b>	<b>5</b>
<b>II. CÁC THUẬT NGỮ/ ĐỊNH NGHĨA.....</b>	<b>5</b>
<b>III. TRIỂN VỌNG, CƠ HỘI ĐẦU TƯ .....</b>	<b>8</b>
1. Kinh tế vĩ mô: .....	8
2. Cơ hội đầu tư vào thị trường trái phiếu Việt Nam.....	12
<b>IV. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ DCBF .....</b>	<b>15</b>
1. Thông tin chung về Quỹ DCBF .....	15
2. Tình hình hoạt động của Quỹ DCBF .....	16
3. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư của Quỹ .....	16
4. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ .....	19
<b>V. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ .....</b>	<b>20</b>
1. Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ .....	20
2. Quy định chung khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ .....	21
3. Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ.....	23
4. Thực hiện giao dịch mua chứng chỉ quỹ .....	23
5. Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.....	24
Thực hiện giao dịch bán chứng chỉ quỹ.....	24
6. Thực hiện giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ mở .....	25
7. Thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ .....	25
8. Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế.....)	26
9. Người được uỷ quyền từ nhà đầu tư .....	26
10. Quy định khác về việc thực hiện đăng ký mua chứng chỉ quỹ mở DCBF .....	27
11. Các trường hợp giao dịch không hợp lệ .....	27
12. Chương trình Đầu Tư Định Kỳ iSAVING .....	27
<b>VI. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, VÀ CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN KHÁC .....</b>	<b>29</b>
1. Thông tin chung về Công ty Quản lý quỹ DCVFM .....	29
2. Tổ chức tư vấn đầu tư - Dragon Capital Debt Management .....	31
3. Ngân Hàng Giám Sát .....	31
4. Công ty Kiểm Toán.....	32
5. Tổ Chức Được Uỷ Quyền .....	32
<b>VII. DANH SÁCH ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ .....</b>	<b>32</b>
<b>VIII. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG.....</b>	<b>32</b>
1. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ .....	32
2. Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng .....	33
<b>IX. GIÁ DỊCH VỤ, PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG.....</b>	<b>37</b>
1. Các loại phí, giá dịch vụ do nhà đầu tư trả .....	37
2. Các loại phí, giá dịch vụ do Quỹ trả .....	38
3. Các chỉ tiêu hoạt động.....	40

<b>X. DỰ BÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA QUỸ .....</b>	<b>41</b>
1. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ .....	41
2. Phân phối lợi nhuận .....	41
<b>XI. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH .....</b>	<b>41</b>
<b>XII. CĂN CỨ PHÁP LÝ .....</b>	<b>41</b>
<b>XIII. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO .....</b>	<b>42</b>
<b>XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ .....</b>	<b>42</b>
<b>XV. CAM KẾT .....</b>	<b>43</b>
<b>XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM .....</b>	<b>43</b>
PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHÍNH THỨC VÀ ĐỊA ĐIỂM CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DC (DCBF) .....	44



## I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức phát hành

#### CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM (DCVFM)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của UBCKNN, Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC - UBCK do UBCKNN cấp ngày 30/12/2020.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam.

Điện thoại: (84-28) 3825 1488 Fax: (84-28) 3825 1489

Ông DOMINIC SCRIVEN Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông BEAT SCHURCH Chức vụ: Tổng Giám đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Ngân hàng giám sát

#### NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)

Đại diện theo pháp luật: Bà: MICHELE WEE SUNG SAN

Chức vụ: Tổng giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM). Chúng tôi, với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ DCBF xác nhận các thông tin có liên quan đến ngân hàng giám sát trong bản cáo bạch này và sẽ chịu trách nhiệm theo các quy định trong phạm vi Hợp Đồng Cung Cấp Dịch Vụ Giám Sát Quỹ giữa chúng tôi với Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM), là công ty quản lý quỹ của Quỹ DCBF và theo quy định pháp luật.

## II. CÁC THUẬT NGỮ/ ĐỊNH NGHĨA

Những từ và cụm từ viết tắt dưới đây được định nghĩa và sẽ được dùng trong suốt Bản cáo bạch này:

“Quỹ”	Là Quỹ đầu tư Trái phiếu DC (Sau đây gọi tắt là Quỹ DCBF) là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng được thành lập quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ.
“Quỹ trái phiếu”	Là quỹ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% và hướng đến 100% giá trị tài sản ròng.
“Công ty quản lý quỹ”	Nghĩa là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (Sau đây gọi tắt là Công ty Quản lý quỹ DCVFM) được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”), Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK ngày 30/12/2020 của UBCKNN, với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Công ty Quản lý quỹ DCVFM được nhà đầu tư ủy thác quản lý Quỹ DCBF, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Chương VI của Điều lệ Quỹ.
“Dragon Capital Debt Management Limited”	(Sau đây gọi tắt là DCDM) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo luật của Cayman Islands thuộc Dragon Capital Group. DCDM được thành lập với mục tiêu huy động và quản lý các quỹ liên quan tới các sản phẩm thu nhập cố định và cung cấp các dịch vụ có liên quan.
“Đại lý phân phối”	Là tổ chức đã ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với công ty quản lý quỹ



<p>“Ngân hàng giám sát”</p>	<p>Là Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) (Sau đây gọi tắt là ngân hàng Standard Chartered) Là Ngân Hàng 100% vốn nước ngoài , thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008, Quyết định số 1477/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 25 tháng 08 năm 2022 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07/05/2015, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quý, đồng thời giám sát hoạt động của Quý.</p> <p>Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ Quý.</p>
<p>“Công ty kiểm toán”</p>	<p>(Sau đây gọi tắt là công ty kiểm toán) Là công ty kiểm toán độc lập của Quý DCBF, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quý DCBF và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định.</p>
<p>“Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM”</p>	<p>(Sau đây gọi tắt là HOSE) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>
<p>“Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội”</p>	<p>(Sau đây gọi tắt là HNX) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>
<p>“Bản cáo bạch”</p>	<p>Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành và lưu hành chứng chỉ quỹ của Quý</p>
<p>“Điều lệ Quý”</p>	<p>Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quý DCBF được nhà đầu tư thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư. Điều lệ được soạn thảo phù hợp với các văn bản pháp lý có liên quan tại Việt Nam.</p>
<p>“Hợp đồng giám sát”</p>	<p>Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý quỹ DCVFM và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư của Quý DCBF.</p>
<p>“Nhà đầu tư”</p>	<p>Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quý DCBF</p>
<p>“Đại hội Nhà đầu tư”</p>	<p>Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quý DCBF. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quý DCBF.</p>
<p>“Ban đại diện Quý”</p>	<p>Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quý DCBF, Công ty Quản lý quỹ DCVFM và ngân hàng giám sát.</p>
<p>“Vốn điều lệ”</p>	<p>Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ.</p>



“Đơn vị quỹ”	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều đơn vị bằng nhau với mệnh giá của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
“Chứng chỉ Quỹ DCBF”	(Sau đây gọi là chứng chỉ quỹ) là chứng khoán do Công ty Quản lý quỹ DCVFM đại diện cho Quỹ DCBF phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại quỹ. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.
“Giá bán/Giá phát hành”	Là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/ giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ, cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã được quy định tại Bản cáo bạch này.
“Giá mua lại”	Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ, trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Bản cáo bạch này.
“Giá dịch vụ phát hành”	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch số tiền đăng ký mua chứng chỉ Quỹ DCBF.
“Giá dịch vụ mua lại”	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi bán một đơn vị chứng chỉ quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ này được trừ đi từ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch.
“Giá dịch vụ quản lý quỹ”	Là giá dịch vụ phải trả cho công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Chương IX, mục 2.1 của Bản cáo bạch.
“Ngày”	Là ngày làm việc.
“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ DCBF sẽ được tính từ ngày Quỹ DCBF được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.
“Giá trị tài sản ròng của quỹ”	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ DCBF sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ DCBF tại ngày gần nhất trước ngày định giá.
“Ngày định giá”	Là ngày mà Công ty Quản lý quỹ DCVFM xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ DCBF. Ngày định giá là ngày thứ Sáu hàng tuần.
“Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ”	Là ngày mà công ty quản lý quỹ, thay mặt quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ được quy định tại Bản cáo bạch này.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Thời điểm đóng sổ lệnh là 14h30 phút ngày T-1, trong đó ngày T là ngày định giá và ngày giao dịch chứng chỉ quỹ Trong trường hợp ngày đóng sổ lệnh rơi vào ngày nghỉ, Lễ thì việc nhận lệnh sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền trước đó. Công ty quản lý Quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch

	giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các dịp Lễ xảy ra trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử.
Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư”	<p>Là dịch vụ được Công ty Quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quý: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;</li> <li>- Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;</li> <li>- Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;</li> </ul> <p>Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.</p>
“Dịch vụ đại lý chuyển nhượng”	<p>Là dịch vụ được Công ty Quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập và quản lý Sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, tài khoản ký danh của đại lý phân phối và các tiểu khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư; Xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở;</li> <li>- Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật Sổ chính;</li> <li>- Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư;</li> <li>- Duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;</li> <li>- Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch, báo cáo hoạt động quỹ và các tài liệu khác cho nhà đầu tư.</li> </ul> <p>Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.</p>
“Người có liên quan”	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán do số 54/2019/QH14 đã được Quốc Hội hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021.</li> </ul>
“Các định nghĩa khác”	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán, Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý quỹ và các văn bản khác có liên quan.</li> </ul>

### III. TRIỂN VỌNG, CƠ HỘI ĐẦU TƯ

#### 1. Kinh tế vĩ mô:

Kinh tế vĩ mô Việt Nam đã có sự ổn định rõ rệt trong giai đoạn 2016-2018 và được dự báo sẽ tiếp tục ổn định. Kinh tế duy trì được tốc độ tăng trưởng bên cạnh việc gia tăng nội lực để đối phó với các tác động không tích cực từ bên ngoài. Việt Nam cũng là nước nhận được các lợi ích từ chiến tranh thương mại Mỹ - Hoa Kỳ. Việt Nam đang có các dự địa về chính sách và nguồn lực để đối phó với chu kỳ suy yếu tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong giai đoạn tới.



## 1.1. Kinh tế vĩ mô ổn định

### GDP duy trì tốc độ tăng trưởng sau giai đoạn hồi phục

Sau giai đoạn suy thoái 2011-2014 với tốc độ tăng trưởng GDP giảm xuống dưới 6%, tăng trưởng GDP Việt Nam đã có sự phục hồi và tăng trưởng mạnh trong giai đoạn 2016-2019. Bên cạnh đó hiệu quả hoạt động của nền kinh tế cũng được cải thiện rõ rệt khi lượng vốn được sử dụng để tạo ra sự tăng trưởng giảm. Việt Nam đang kỳ vọng duy trì được tốc độ tăng trưởng cao trong giai đoạn 2019-2021 trong bối cảnh thương mại và kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại do chu kỳ kinh tế và các căng thẳng thương mại giữa các khu vực kinh tế lớn gia tăng. Mục tiêu tăng trưởng GDP cho năm 2019 được Chính phủ đặt ra là 6,8%, Quý 1 2019 GDP Việt Nam tăng 6,79%. Dự báo tăng trưởng GDP cho năm 2020 và 2021 là 6,7 và 6,7%.

### Hoạt động sản xuất liên tục duy trì mở rộng

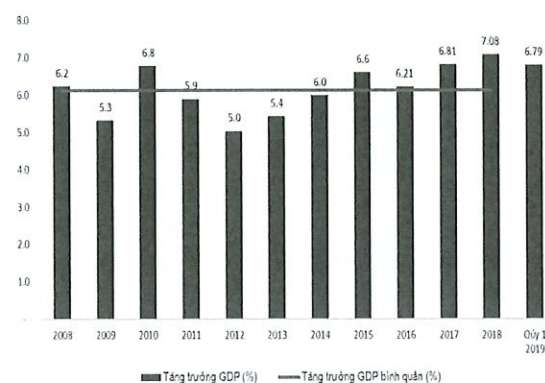
Hoạt động sản xuất đã liên tục được mở rộng kể từ tháng 1 năm 2016. Hoạt động sản xuất của Việt Nam được duy trì mở rộng trong hoàn cảnh các nền kinh tế lân cận, đặc biệt là Trung quốc, có sự thu hẹp sản xuất. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam có động lực tăng trưởng chính trong giai đoạn hiện tại và trung hạn là hoạt động sản xuất công nghiệp và xây dựng. Ngành chế biến chế tạo công nghiệp là ngành nhận được đầu tư nước ngoài lớn nhất (73,5% tổng vốn đầu tư nước ngoài trong 5 tháng đầu năm 2019 và 50,5% trong năm 2018) và là ngành có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ (11,6% so với cùng kỳ năm trước trong 5 tháng 2019 và 12,98% cho năm 2018). Việt Nam đã trở thành cứ điểm sản xuất của các hạng điện tử lớn và hoạt động sản xuất sẽ tiếp tục mở rộng trong giai đoạn tới do tác động của dòng vốn FDI và hoạt động dịch chuyển sản xuất ra khỏi Trung Quốc.

### Áp dụng tỷ giá trung tâm và tỷ giá ổn định

Tỷ giá VND-USD đã được kiểm soát với mức độ ổn định cao trong giai đoạn bắt đầu từ tháng 1 2018 khi SBV áp dụng chính sách tỷ giá trung tâm. Việc áp dụng chính sách tỉ giá trung tâm và các công cụ thị trường khác (mua bán kỳ hạn USD, duy trì chênh lệch lãi suất tiền gửi VND và USD...) và tác động tích cực từ dòng vốn vào Việt Nam (đến từ FDI, FII, bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp và kiều hối) đã cho phép SBV kiểm soát tỷ giá VND-USD và đối phó thành công với các áp lực lên tỷ giá VND khi thị trường thế giới biến động. Dự báo cho thấy năm 2019 đồng Việt Nam sẽ có thể mất giá 2%-3% so với USD. Sự ổn định tỷ giá sẽ được tiếp tục duy trì.

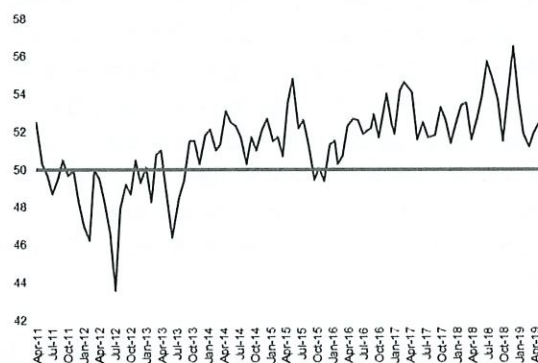
### Lạm phát được kiểm soát ở mức thấp

### Tăng trưởng GDP 2008-2018 & Quý 1 2019 (%)

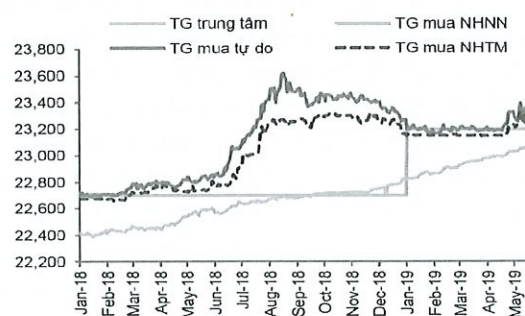


Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

### Chỉ số Nhà quản lý mua hàng (Markit's PMI)



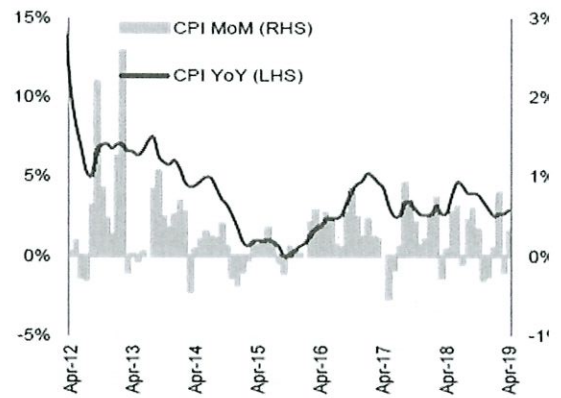
Nguồn: Markit



Nguồn: Reuter/DCVFM



Lạm phát được duy trì ổn định ở mức dưới 5% trong giai đoạn 2016-2019. Lạm phát các năm 2017 và 2018 duy trì ở mức 3,53% và 3,54%. Chính phủ đã chủ động điều chỉnh phù hợp về thời điểm đối với các đợt tăng giá dịch vụ y tế, học phí, giá điện... để đảm bảo kiểm soát lạm phát. Bên cạnh đó việc kiểm soát lạm phát cũng thuận lợi do giá nguyên vật liệu sản xuất thế giới trong giai đoạn có tốc độ tăng giá chậm. Lạm phát mục tiêu năm 2019 đã được Chính phủ đặt ra là dưới 4%. Trong trung hạn, các dự báo cho thấy lạm phát được duy trì ở mức dưới 5%, đây cũng là tỉ lệ lạm phát phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam và không gây nên các xáo trộn xã hội. Kiểm soát lạm phát là mục tiêu quan trọng hàng đầu đối với chính sách tiền tệ Việt Nam.

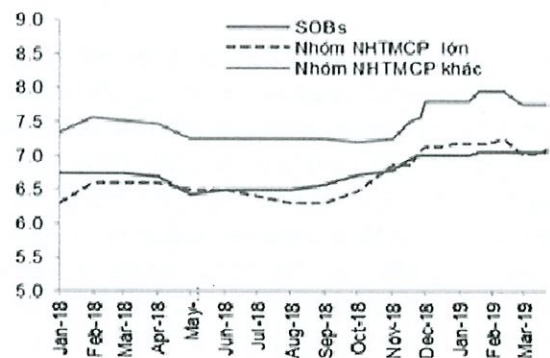


Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

### Lãi suất cho vay được duy trì ổn định ở mức hợp lý

Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay đã có sự suy giảm mạnh mẽ trong giai đoạn 2011-2019 và được duy trì ổn định trong giai đoạn 2016-2019. Trong giai đoạn trên, lãi suất cho vay bình quân các kỳ hạn biến động trong mức 9% - 9,5%. Mặt bằng lãi suất được duy trì và ít có biến động bất thường là kết quả của việc kiểm soát tốt thanh khoản của thị trường liên ngân hàng. Trong cùng giai đoạn từ 2012-2019, lợi suất trái phiếu chính phủ các kỳ hạn cũng đã có sự điều chỉnh giảm mạnh và chính phủ đã phát hành được các trái phiếu có kỳ hạn lên tới 20 và 30 năm. Việc phát hành thành công các trái phiếu kỳ hạn dài đã thể hiện sự tin tưởng của thị trường đối với ổn định kinh tế vĩ mô và điều hành của Chính phủ.

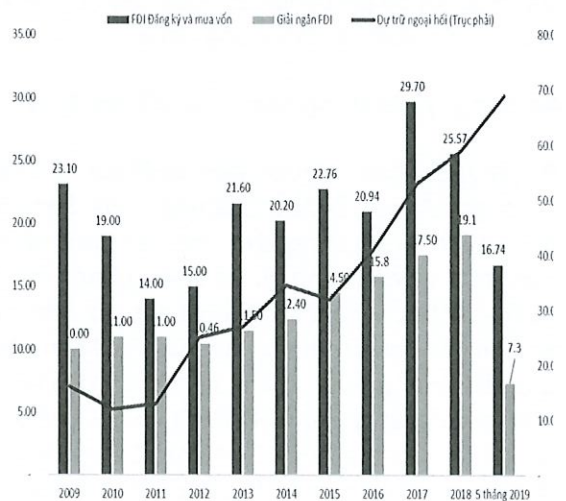
Biến động lãi suất huy động kỳ hạn 13 tháng



Nguồn: SSI

### Dự trữ ngoại hối gia tăng cùng với sự gia tăng của dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Việt Nam đang là điểm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) khi các doanh nghiệp gia tăng hoạt động sản xuất tại Việt Nam. Xu hướng này đã bắt đầu từ 2017 và đang phát triển mạnh trong năm 2019 do tác động của chiến tranh thương mại. Dòng vốn FII và FII là hai trong các yếu tố chính tạo nên sự ổn định kinh tế vĩ mô Việt Nam trong giai đoạn từ đầu năm 2018. Trong giai đoạn Việt Nam đang thay đổi mô hình tăng trưởng, dòng vốn FDI và hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là cấu phần quan trọng duy trì sự tăng trưởng của nền kinh tế. Dòng vốn FDI cũng đã tạo điều kiện cho SBV duy trì chính sách tiền tệ linh hoạt đối phó các biến động của kinh tế thế giới và gia tăng dự trữ ngoại hối của Việt Nam lên mức 69 tỷ USD trong tháng 5 năm 2019 (tương đương 3,5 tháng nhập khẩu, cao nhất từ trước tới nay).



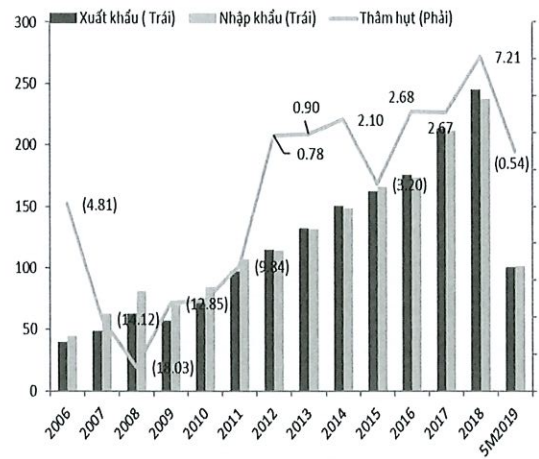
Nguồn: Tổng cục thống kê/DCVFM

### Xuất khẩu và cán cân thương mại tích cực



Xuất khẩu được duy trì là một điểm sáng của nền kinh tế Việt Nam khi liên tục có tốc độ tăng trưởng cao (bình quân 13,4%/năm cho giai đoạn 2013-2018) và có tăng trưởng ở mức 21% trong năm 2017. Tăng trưởng xuất khẩu đã dẫn tới việc Việt Nam có thặng dư thương mại trong giai đoạn 2016-2018 (năm 2018 xuất siêu 7,21 tỷ USD). Việt Nam tiếp tục có cơ hội tăng trưởng xuất khẩu trong bối cảnh Việt Nam đang trở thành điểm tiếp nhận sản xuất khi các doanh nghiệp chuyển hoạt động sản xuất ra khỏi Trung Quốc do tác động của chiến tranh thương mại. Dự báo xuất khẩu Việt Nam tăng trưởng 12% trong năm 2019.

Việt Nam đang nhận được các tác động tích cực từ chiến tranh thương mại khi các hoạt động sản xuất và xuất khẩu gia tăng. Đây là hai động lực chính cho tăng trưởng GDP của Việt Nam.

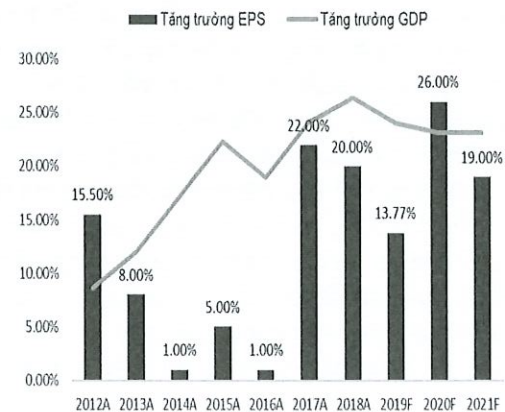


Nguồn: Tổng Cục Thống Kế

### Kinh tế vĩ mô ổn định hỗ trợ tăng trưởng của thị trường chứng khoán

Số liệu cho thấy ổn định kinh tế vĩ mô và tốc độ tăng trưởng GDP có tác động rõ rệt tới kết quả hoạt động của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các dự báo cho thấy Việt Nam có khả năng duy trì tốc độ tăng trưởng GDP trên 6,5%/năm trong giai đoạn 2019-2021 đồng thời khảo sát cũng cho thấy tốc độ tăng trưởng thu nhập trên mỗi cổ phần cho toàn thị trường (dựa trên số liệu của 500 công ty niêm yết trên sàn chứng khoán) duy trì ở mức trên 13% cho giai đoạn nêu trên và có xu hướng gia tăng tốc độ tăng trưởng. Với các diễn biến hiện tại, thị trường chứng khoán Việt Nam đang được hưởng lợi từ các dòng tiền đầu tư và vị trí đặc biệt của Việt Nam trong các biến động phát sinh từ chiến tranh thương mại Mỹ-Trung Quốc. Các dự báo cho thấy kinh tế vĩ mô Việt Nam tiếp tục ổn định và thị trường cổ phiếu nhận được lợi ích từ sự ổn định kinh tế vĩ mô dưới nhiều góc độ, bao gồm kết quả hoạt động tốt của các doanh nghiệp.

Tăng trưởng thu nhập trên cổ phần của 500 công ty niêm yết trên TTCK Việt Nam và tăng trưởng GDP qua các năm



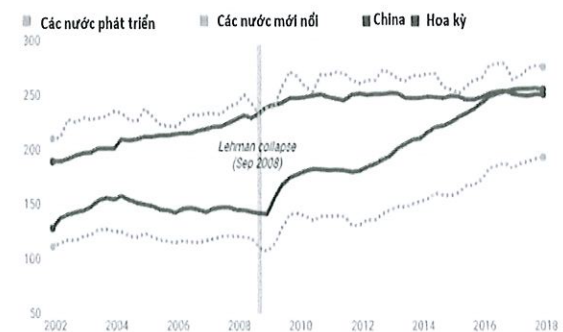
Nguồn: AlphaChart/DCVFM

### 1.2. Dự địa chính sách đối phó giai đoạn kinh tế thế giới suy yếu

#### Chu kỳ kinh tế Mỹ, sự suy yếu kinh tế thế giới và rủi ro từ gia tăng vay nợ

Trong tháng 6 năm 2019, các dự báo cho thấy kinh tế Mỹ sẽ đi vào chu kỳ suy giảm tăng trưởng trong 6 tới 18 tháng kể từ thời điểm dự báo. Bên cạnh đó các nền kinh tế đang phải đối mặt với rủi ro do dự nợ của các nền kinh tế tăng mạnh do tác động của chính sách nới lỏng tiền tệ sau giai đoạn khủng hoảng 2008. Mặt khác để hỗ trợ phục hồi và tăng trưởng kinh tế, các ngân hàng trung ương tại các nền kinh tế lớn đã duy trì mức lãi suất thấp trong khoảng thời gian dài. Các yếu tố trên dẫn tới rủi ro là các nền kinh tế lớn không có nhiều dự địa chính sách để đối phó khi nền kinh tế thế giới bước vào giai đoạn suy giảm tốc độ tăng trưởng. Dự báo do Ngân hàng Thế giới công bố ngày 6/4/2019 cho thấy tăng trưởng kinh tế thế giới sẽ ở mức 2,6% trong năm 2019 (giảm 0,3% so

Dự nợ tăng mạnh sau khủng hoảng 2008 (tỷ lệ nợ của chính phủ và tư nhân – Không bao gồm nợ của các tổ chức tài chính – tính trên GDP (%))



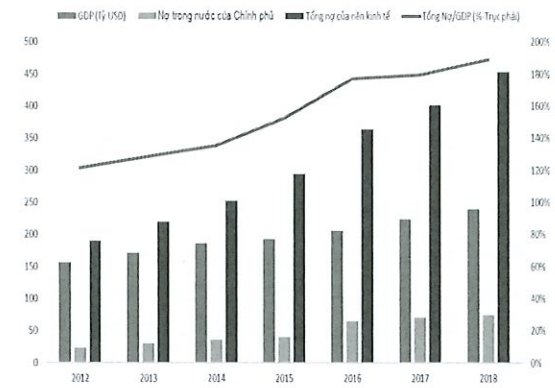
Nguồn: Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (IBS)

với dự báo công bố tháng 1 2019) so với mức tăng trưởng 3% trong năm 2018.

### Việt Nam chủ động kiểm soát dư nợ

Việt Nam đã chủ động tiến hành các biện pháp kiểm soát nợ chính phủ và nợ tư nhân từ năm 2016. Nợ chính phủ đã được kiểm soát ở mức dưới 65% GDP (năm 2017 và 2018 tỷ lệ này là 61,2% và 61,3% GDP) Ngân hàng Nhà nước đã chủ động điều chỉnh tốc độ tăng trưởng tín dụng cho nền kinh tế (năm 2017 tín dụng tăng 17%, năm 2018 tăng 14% và năm 2019 dự báo tăng 12%-14%) bên cạnh giảm tốc độ tăng cung tiền cho nền kinh tế (tốc độ tăng trưởng M2 các năm 2016-2018 là 17,88%, 14,19% và 11,34%) . Kết quả của việc kiểm soát nợ và tăng trưởng, ổn định kinh tế là việc Việt Nam được thay đổi định mức tín nhiệm với xu hướng tốt lên từ các tổ chức xếp hạng tín nhiệm lớn trên thế giới trong năm 2018 và 2019.

Dư nợ của Việt Nam (tỷ USD) và tỷ lệ dư nợ trên GDP (%)

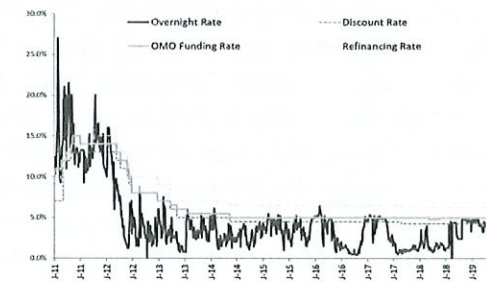


Nguồn: Tổng cục Thống kê/VFM

### Dự địa điều chỉnh sách lãi suất

Việt Nam đang có các yếu tố hỗ trợ tốt để đối phó với chu kỳ giảm tăng trưởng kinh tế sắp tới khi dự địa về điều chỉnh giảm lãi suất điều hành vẫn được hiện hữu khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam duy trì lãi suất không đổi (từ năm 2014) trong giai đoạn vừa qua. Với mặt bằng dư nợ không cao và khả năng điều chỉnh giảm lãi suất, Việt Nam sẽ chủ động hơn trong việc điều tiết chính sách tiền tệ và tài khóa khi cần hỗ trợ cho sự tăng trưởng của nền kinh tế. Đây sẽ là tiền đề cho sự ổn định và tăng trưởng của kinh tế Việt Nam trong giai đoạn tới, thị trường chứng khoán sẽ được hưởng lợi từ các yếu tố này.

Lãi suất duy trì ổn định



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước/DCVFM

## 2. Cơ hội đầu tư vào thị trường trái phiếu Việt Nam

Với thị trường trái phiếu, Chính phủ đã đưa ra lộ trình để tăng quy mô thị trường phát hành trái phiếu chính phủ và xây dựng hạ tầng về pháp luật và giao dịch để phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp. Bên cạnh đó việc phát hành thường xuyên các công cụ tiền tệ ngắn hạn và xây dựng đường cong lãi suất kỳ hạn ngắn mở ra cơ hội đầu tư vào thị trường tiền tệ.



## THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

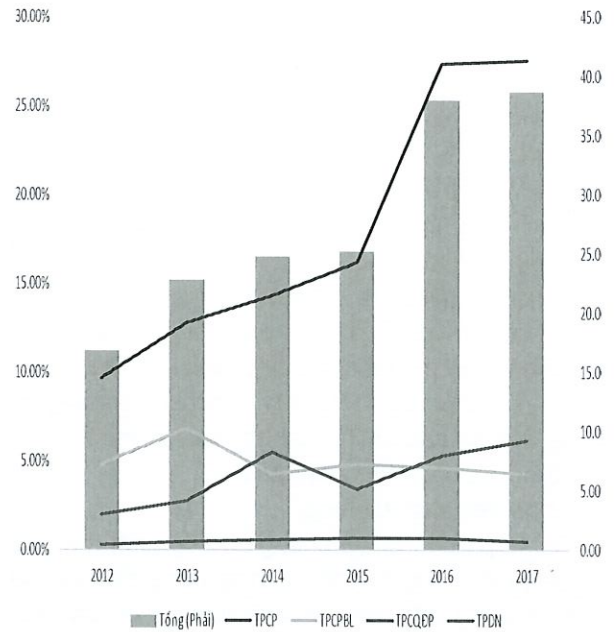
### Thị trường trái phiếu trở nên quan trọng đối với nền kinh tế

Bộ Tài chính (MoF) và Kho bạc Nhà nước (VST) đã rất thành công trong việc huy động vốn trái phiếu Chính phủ (TPCP). Trong các năm 2013 tới nay, TPCP đã trở thành nguồn huy động quan trọng đối với ngân sách nhà nước với quy mô phát hành bình quân trên 200 nghìn tỷ/năm. Quy mô thị trường trái phiếu (tính theo giá trị các trái phiếu đang lưu hành) tại thời điểm tháng 8 2018 là 1,21 triệu tỷ đồng (bao gồm giá trị TPCP, TP chính phủ bảo lãnh, TP chính quyền địa phương và trái phiếu doanh nghiệp). Quy mô thị trường trái phiếu năm 2018 đã tăng 4,25 lần so với năm 2011 tương ứng với tốc độ tăng bình quân 23%/năm trong giai đoạn nêu trên. Trong năm 2017, Kho bạc Nhà nước (KBNN) đã thành công trong việc phát hành và kéo dài kỳ hạn bình quân của trái phiếu phát hành (lên 12,74 năm từ mức 8,71 năm trong năm 2016), đồng thời kéo dài kỳ hạn còn lại bình quân của cả danh mục TPCP từ 5,98 năm lên 6,71 năm. Bên cạnh thị trường TPCP, thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) đã hình thành từ năm 2012 và giao dịch tích cực hơn trong năm 2017-2018. Năm 2017, khối lượng TPDN phát hành là 115.416 tỷ VND.

### Giao dịch thứ cấp tăng trưởng mạnh

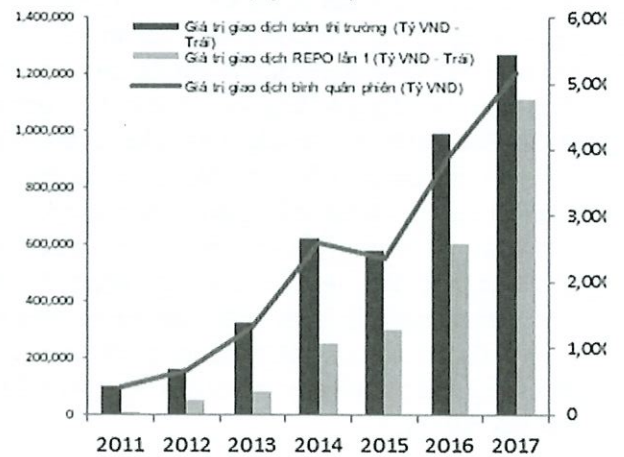
Thị trường giao dịch thứ cấp trái phiếu năm 2017 đánh dấu là một năm có sự tăng trưởng đột biến với tổng giá trị giao dịch tăng 32% so với giá trị giao dịch theo phiên năm 2016. Chỉ số vòng quay thanh khoản của thị trường (tổng giá trị giao dịch mua bán thực tế trong 12 tháng so với tổng giá trị trái phiếu đang lưu hành trên thị trường) đã được cải thiện đáng kể từ mức 1,06 lần lên mức 1,15 lần. Bên cạnh việc gia tăng mạnh mẽ của giao dịch trực tiếp, giá trị các giao dịch bán và mua lại trái phiếu (REPO) cũng đã tăng 84% trong năm 2017 so với năm 2016, chiếm hơn 46,69% giá trị giao dịch toàn thị trường. Xét trong giai đoạn 2011-2017, giá trị thị trường trái phiếu đã tăng 4,176 lần và giá trị giao dịch bình quân phiên năm 2017 tăng 13,06 lần giá trị giao dịch năm 2011 (tương ứng với tốc độ tăng bình quân năm là 26,9% đối với quy mô giao dịch toàn thị trường và 53,45% đối với giá trị giao dịch bình quân phiên trong giai đoạn nêu trên).

### QUY MÔ THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU VIỆT NĂM TÍNH THEO % GDP



Nguồn: HNX/DCVFM

### Giá trị giao dịch thứ cấp TPCP qua các năm (Tỷ VND)



Nguồn: HNX/DCVFM

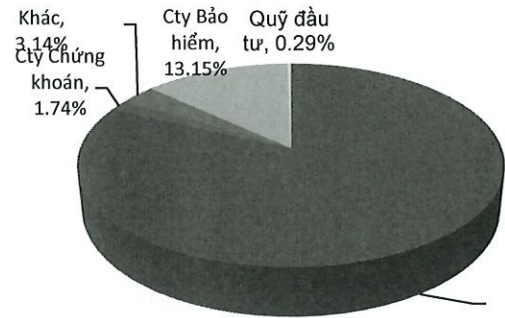
### Cơ cấu người đầu tư thay đổi tích cực

Cơ cấu người đầu tư có sự biến động mạnh trong năm 2017 so với các năm trước do Chính phủ đã thực hiện chuyển đổi khoản vay của Bảo hiểm xã hội thành trái phiếu Chính phủ. Các ngân hàng thương mại tiếp tục đóng vai trò chủ đạo khi đã mua 83,45% giá trị TPCP phát hành sơ cấp và giá trị giao dịch của các ngân hàng chiếm vẫn chiếm vai trò chủ đạo trên thị trường trái phiếu thứ cấp. Các công ty bảo hiểm có vị trí thứ 2 về giao dịch mua sơ cấp (13,15% giá trị phát hành) tập trung mạnh vào các kỳ hạn dài 20 năm và 30 năm. Các công ty chứng khoán và quỹ đầu tư đã trở nên năng động hơn và nâng dần tỷ trọng giá trị giao dịch sơ cấp từ mức 0,5% lên 1,74% đối với công ty chứng khoán và từ mức 0,22% lên 0,29% đối với quỹ đầu tư trong năm 2017. Tỷ lệ sở hữu TPCP của nhóm bảo hiểm tăng từ 45% (31/12/2016) lên 52,40% vào 31/12/2017 nhờ sự gia tăng ấn tượng của thị trường bảo hiểm nhân thọ và lực mua ròng từ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tiền gửi.

### Triển vọng thị trường

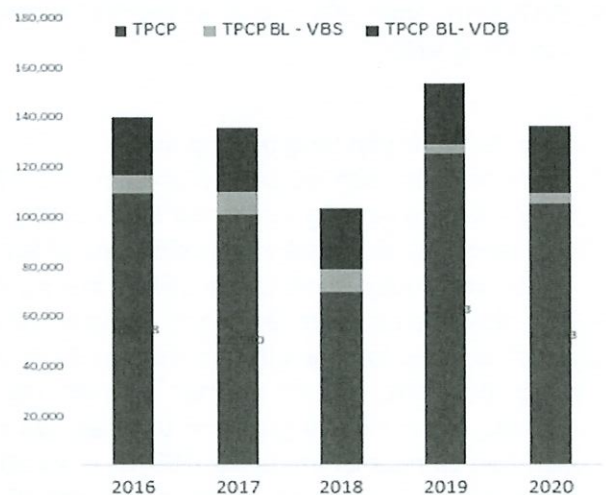
Chính phủ đang tập chung cho sự phát triển của thị trường trái phiếu. Các sửa đổi hiện tại đang diễn ra chủ yếu đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp khi các hoạt động liên quan tới sửa đổi cơ sở pháp lý, xây dựng hệ thống thông tin tập trung, xây dựng hạ tầng giao dịch đang được thực hiện. Các dự báo cho thấy quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam có thể đạt mức 200 tỷ USD vào năm 2023 (tăng 3,88 lần so với quy mô tại năm 2018). Mức tăng trưởng quy mô thị trường này có thể đạt được khi sự phụ thuộc vào hệ thống ngân hàng để vay vốn của doanh nghiệp sẽ giảm đi và quy mô phát hành trái phiếu doanh nghiệp sẽ tăng lên mạnh mẽ theo định hướng gia tăng vai trò của thị trường vốn Việt Nam. Bên cạnh đó, cơ cấu nhà đầu tư thay đổi theo xu hướng ngày càng nhiều nhà đầu tư có tổ chức (bên cạnh việc đã có thể và bắt đầu tham gia của người đầu tư cá nhân vào thị trường) trên thị trường trái phiếu là dấu hiệu cho việc giao dịch sẽ ngày càng sôi động. Trong dài hạn, việc đường cong lãi suất ngắn hạn sẽ trở nên hợp lý hơn (so với các kỳ hạn dài) sẽ là động lực để thêm nhiều người đầu tư cá nhân tham gia vào thị trường trái phiếu thông qua các quỹ đầu tư.

### Cơ cấu người đầu tư trên thị trường sơ cấp



Nguồn: HNX

### Giá trị trái phiếu đáo hạn 2016-2020 (Tỷ VND)



Nguồn: HNX/DCVFM



## IV. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ DCBF

### 1. Thông tin chung về Quỹ DCBF

- Tên Quỹ	QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DC
- Tên tiếng Anh	DC Bond Fund.
- Tên viết tắt	Quỹ DCBF
- Hình thức của Quỹ	Quỹ đại chúng dạng mở.
- Nhà đầu tư của Quỹ	Là nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân trong và ngoài nước Việt Nam.
- Thời hạn hoạt động của Quỹ	Không giới hạn.
- Số tiền đăng ký mua tối thiểu	100.000 (Một trăm nghìn) đồng.
- Mục tiêu/chiến lược đầu tư	<p>Mục tiêu chính của Quỹ DCBF là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam...), giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định. Tài sản đầu tư của Quỹ được mô tả chi tiết tại điểm 3.2 Chương IV.</p> <p>Chiến lược đầu tư cho quỹ DCBF là năng động dựa trên cơ sở phân tích cơ bản kinh tế vĩ mô, phân tích xu hướng biến động của thị trường chứng khoán nợ, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê hoặc phân tích cơ bản về tổ chức phát hành để đưa ra các quyết định đầu tư với mục tiêu đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục.</p>
- Hình thức sở hữu	Bút toán ghi sổ hoặc lưu giữ điện tử.
- Địa điểm phát hành:	<p><b>Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)</b> Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam.</p> <p><b>Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)</b> Tầng 24, Tháp 1, Tòa nhà Capital Place, 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội</p>

#### ▪ Các đối tác có liên quan đến đợt phát hành:

Tổ chức phát hành	: Quỹ đầu tư trái phiếu DC (DCBF)
Đại diện phát hành	: Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam ( DCVFM)
Ngân hàng giám sát	: Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)
Công ty kiểm toán dự kiến	: Công ty Kiểm toán Ernst & Young hoặc Công ty KPMG hoặc Công ty PriceWaterHouse Cooper (PWC)
Hệ thống Đại lý phân phối	: Chi tiết về địa chỉ và chi nhánh của các đại lý phân phối được nêu trong Phụ lục 2 của Bản cáo bạch này.

Nhà đầu tư có thể mở nhiều tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở tại các Đại lý Phân phối chỉ định khác nhau và chỉ được giao dịch theo số lượng chứng chỉ quỹ mở của tài khoản đó.

#### 1.1 Giấy phép phát hành và quy mô Quỹ

Quỹ DCBF được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thành lập theo giấy phép số 04/GCN-UBCK vào ngày 10/06/2013 và giấy Chứng Nhận điều chỉnh số 16/GCN-UBCK ngày 24 tháng 05 năm 2021.

#### 1.2 Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ DCBF là Quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng được Công ty Quản lý quỹ DCVFM quản lý trong suốt quá trình hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho Công ty Quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

Thời gian hoạt động của Quỹ không có giới hạn và theo mục tiêu hoạt động của Quỹ.

## **2. Tình hình hoạt động của Quỹ DCBF**

Thông tin chi tiết về tình hình hoạt động của các quỹ và các báo cáo tài chính bán niên/hàng năm sau kiểm toán đều được cập nhật cho nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Dragon Capital Việt Nam.

## **3. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư của Quỹ**

### **3.1 Mục tiêu đầu tư của Quỹ**

Mục tiêu chính của Quỹ DCBF là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam...), giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định. Tài sản đầu tư của Quỹ được mô tả chi tiết tại điểm 3.2 dưới đây.

Công ty quản lý quỹ DCVFM thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép

### **3.2 Chiến lược đầu tư của Quỹ**

Chiến lược đầu tư cho quỹ DCBF là năng động dựa trên cơ sở phân tích cơ bản kinh tế vĩ mô, phân tích xu hướng biến động của thị trường chứng khoán nợ, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê hoặc phân tích cơ bản về tổ chức phát hành để đưa ra các quyết định đầu tư với mục tiêu đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục.

#### **Danh mục đầu tư của Quỹ**

Quỹ DCBF sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:

- a. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- c. Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d. Trái phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ của quỹ trái phiếu đại chúng;
- e. Trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại khoản này phải đáp ứng điều kiện sau:
  - o Đã được ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
  - o Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành
- f. Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;
- g. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ;
- h. Trong một số trường hợp bất lợi của thị trường, để đảm bảo tính an toàn cho tài sản của Quỹ, tỷ trọng tiền gửi có kỳ hạn và các tài sản tương đương tiền có thể chiếm đến 100% giá trị tài sản ròng của Quỹ.

### **3.3 Lĩnh vực đầu tư**

Lĩnh vực đầu tư của quỹ DCBF tập trung vào các loại tài sản hoạt động theo quy định của Pháp luật Việt Nam như sau:

- Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.



- Tín phiếu, các công cụ có thu nhập cố định khác; Trái phiếu và các chứng khoán phái sinh đính kèm của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam (bao gồm trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu có kèm chứng quyền, trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu phát sinh từ trái phiếu chuyển đổi, các tài sản phát sinh do việc thực hiện quyền đi kèm với Trái phiếu và các loại chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ...).

Ngoài ra, trong danh mục đầu tư của Quỹ DCBF cũng bao gồm các loại giấy tờ có giá, các công cụ thị trường tiền tệ... theo quy định của pháp luật Việt Nam.

### 3.4 Các hạn chế đầu tư của Quỹ

1. Danh mục đầu tư của Quỹ DCBF phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Điều lệ quỹ và Chương IV – Mục 3.2 tại Bản cáo bạch này.
2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ DCBF phải đảm bảo:
  - a. Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b Chương IV – Mục 3.2 Bản cáo bạch này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
  - b. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của chính phủ;
  - c. Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f Chương IV – Mục 3.2 tại Bản cáo bạch này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Mục c, nội dung 2, chương VIII của Bản cáo bạch này;
  - d. Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e Chương IV – Mục 3.2 tại Bản cáo bạch này;
  - e. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dự nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
  - f. Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ;
  - g. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
  - h. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của quỹ trái phiếu đại chúng khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
    - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ trái phiếu đại chúng;
    - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ trái phiếu đại chúng;
    - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ của quỹ trái phiếu đại chúng.
  - i. Đối với cổ phiếu hình thành từ việc thực hiện quyền chuyển đổi của trái phiếu chuyển đổi do quỹ nắm giữ, quỹ sẽ thực hiện việc bán các cổ phiếu này ngay khi có thể thực hiện giao dịch.
3. Cơ cấu đầu tư của quỹ DCBF chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm a, b, c, d và h Khoản 2 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:
  - a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
  - b. Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
  - c. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
  - d. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
  - e. Quỹ đang trong thời gian giải thể.



4. Công ty Quản lý có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư của quỹ như sau:
  - Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c và d khoản 3 Điều này, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin và thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều này.
  - Trường hợp sai lệch do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm báo cáo, công bố thông tin và điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.
  - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.
5. Công ty Quản lý quỹ chỉ được gửi tiền, và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b Chương IV – Mục 3.2 phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được ban đại diện quỹ phê duyệt.
6. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:
  - a. Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
  - b. Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
  - c. Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận.
  - d. Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

### **3.5 Hạn chế vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ**

1. Công ty Quản lý quỹ DCVFM không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
2. Công ty Quản lý quỹ DCVFM không được phép vay để đầu tư, ngoại trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
3. Công ty Quản lý quỹ DCVFM không được sử dụng tài sản của Quỹ DCBF để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác. Công ty Quản lý quỹ DCVFM không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
4. Quỹ DCBF được thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

### **3.6 Phương pháp lựa chọn đầu tư**

Công ty Quản lý quỹ sẽ thực hiện quy trình nghiên cứu, đánh giá, thẩm định đầu tư và áp dụng chiến lược đầu tư năng động trong việc quản lý Quỹ DCBF.

Căn cứ vào các đánh giá, nghiên cứu cơ bản kinh tế vĩ mô, xu hướng lãi suất trong từng giai đoạn, Công ty Quản lý quỹ sẽ thực hiện chiến lược phân bổ tài sản cho phù hợp với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận với mức rủi ro hợp lý cho danh mục đầu tư. Các mô hình kỹ thuật thống kê sẽ được áp dụng nhằm hỗ trợ Công ty Quản lý quỹ đưa ra các quyết định đầu tư hợp lý trong thời gian nhanh nhất.



Với các cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu có gắn chứng quyền cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, Công ty Quản lý quỹ sẽ thực hiện các phân tích cơ bản đối với tổ chức phát hành, và áp dụng mô hình định mức tín nhiệm phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro nhưng không bỏ lỡ cơ hội gia tăng giá trị cho danh mục.

#### **4. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ**

Việc đầu tư vào một quỹ sẽ không được cam kết bảo lãnh bởi bất kỳ một ngân hàng giám sát hay bất kỳ tổ chức nào, về việc quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra.

Đầu tư vào quỹ đầu tư chứng khoán có nghĩa là nhằm vào mục tiêu tạo ra những khoản thu nhập sau một khoảng thời gian dài. Các nhà đầu tư không nên kỳ vọng thu được các khoản thu nhập trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này.

Quỹ DCBF hoạt động theo cơ chế Quỹ mở nên Nhà đầu tư có thể linh hoạt sử dụng các công cụ thị trường để đưa ra các quyết định đầu tư hay bán lại chứng chỉ Quỹ DCBF..

Dưới đây là những yếu tố rủi ro chủ yếu mà nhà đầu tư nên quan tâm khi đầu tư vào Quỹ DCBF và đây không phải là toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào quỹ.

##### **4.1. Rủi ro thị trường**

Rủi ro này phát sinh khi các thị trường tài sản mà quỹ đầu tư có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian. Loại rủi ro này dẫn tới sự suy giảm của toàn bộ thị trường. Rủi ro này thuộc rủi ro mang tính hệ thống nằm ngoài khả năng kiểm soát của công ty quản lý quỹ

##### **4.2. Rủi ro hạn chế cơ hội đầu tư do tính đa dạng hóa thấp của thị trường**

Thị trường trái phiếu của Việt Nam hiện tại còn khá hạn chế cả về số lượng đối tượng phát hành, thể loại ngành, tần suất phát hành mới cũng như tính đa dạng của các kỳ hạn và chủng loại sản phẩm. Do đó Công ty Quản lý quỹ có thể gặp khó khăn trong việc tìm kiếm các cơ hội giải ngân theo chiến lược phân bổ tài sản đã lựa chọn hoặc khó khăn trong việc đa dạng hóa danh mục đầu tư.

##### **4.3. Rủi ro đối với sản phẩm đầu tư cụ thể (tùy theo loại tài sản mà quỹ dự kiến đầu tư)**

Tài sản Quỹ DCBF đầu tư chủ yếu là trái phiếu, trong khi đó giá trị của trái phiếu lại chịu tác động trực tiếp của yếu tố lãi suất trên thị trường và có thể giảm giá trị trong bối cảnh xu hướng lãi suất tăng. Công ty Quản lý quỹ do đó sẽ áp dụng các phương pháp đánh giá điều kiện kinh tế vĩ mô và xu hướng vận động của thị trường trái phiếu trong từng giai đoạn để đưa ra các quyết định phân bổ tài sản phù hợp,

##### **4.4. Rủi ro thiếu các công cụ phòng ngừa rủi ro**

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, Quỹ DCBF được sử dụng các chứng khoán phái sinh niêm yết cho mục đích phòng ngừa rủi ro. Tuy nhiên, các công cụ phái sinh hiện tại chưa được phổ biến và vẫn ở giai đoạn sơ khai chưa phát triển, nên khả năng sẽ không có sẵn các công cụ cần thiết để sử dụng.

##### **4.5. Rủi ro pháp lý**

Từ khi Việt Nam chính thức phát triển nền kinh tế theo định hướng thị trường vào đầu thập niên 90, Chính phủ đã và đang hoàn thiện dần khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và TTCK. Các hoạt động liên quan đến chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán và thị trường chứng khoán được Chính phủ điều chỉnh trong các văn bản pháp lý ban hành vào năm 1998. Năm 2006, trước sự bùng nổ của thị trường chứng khoán và việc gia nhập WTO của Việt Nam, nhiều văn bản pháp lý về thị trường chứng khoán đã được Chính phủ ban hành như Luật chứng khoán, các nghị định hướng dẫn, quy chế hoạt động... Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những rủi ro về pháp lý khi Chính Phủ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và TTCK. Những điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ DCBF trong tương lai.

##### **4.6. Thuế**

Nhà đầu tư trong quá trình mua/bán chứng chỉ Quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả theo Quy định của Pháp luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà đầu tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động chung của Quỹ DCBF.

##### **4.7. Rủi ro thanh khoản của thị trường**



Một trong những rủi ro của Quỹ DCBF là khả năng khi Quỹ có yêu cầu thanh lý tài sản đầu tư, Công ty Quản lý quỹ không tìm được đối tác thanh lý hoặc không thanh lý được theo giá yêu cầu do tính thanh khoản của thị trường thấp và mất nhiều thời gian thỏa thuận. Cơ cấu tài sản tập trung nhiều ở trái phiếu Chính phủ hoặc trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh cũng là trái phiếu có tính thanh khoản cao nhất trên thị trường hiện nay nhằm hạn chế rủi ro này.

#### 4.8. Rủi ro về khả năng mất thanh toán

Rủi ro này liên quan đến việc tổ chức phát hành hoặc người đảm bảo thanh toán cho đợt tăng vốn của các loại chứng khoán nợ bị mất khả năng thanh toán tại thời điểm đáo hạn và do vậy không thể thanh toán cho quỹ các khoản lãi cũng như nợ gốc. Tại Việt Nam hiện nay chưa hình thành các tổ chức tài chính trung gian chịu trách nhiệm đánh giá hạn mức tín nhiệm của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế.

Quỹ đầu tư DCBF có cơ cấu chủ yếu là các loại Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, có độ an toàn về khả năng thanh toán nên hạn chế được rủi ro này. Đối với các trái phiếu doanh nghiệp (nếu có) trước hết sẽ được áp dụng mô hình định mức tín nhiệm do Công ty Quản lý quỹ DCVFM phát triển đồng thời sử dụng các kỹ thuật thống kê và tham khảo các đánh giá định mức tín nhiệm từ các tổ chức trung gian.

#### 4.9. Rủi ro định giá

Là rủi ro khi lãi suất định giá khác với lãi suất thực tế khiến cho giá trị của tài sản được mua/bán khác với giá trị sổ sách. Lãi suất chiết khấu được dùng để định giá căn cứ trên lãi suất niêm yết trên HNX/ VBMA/ Bloomberg/ Reuters. Đây là lãi suất tham khảo, tùy từng thời điểm và chất lượng của thông tin đầu vào, lãi suất này có thể không sát với lãi suất thực tế giao dịch.

#### 4.10. Rủi ro rút vốn

Hoạt động theo Quy chế Quỹ mở, Nhà đầu tư có thể rút vốn theo nhu cầu thông qua lệnh bán chứng chỉ Quỹ DCBF. Tuy nhiên, khi tất cả các nhà đầu tư muốn rút một lượng tiền lớn so với quy định pháp luật về tỷ lệ rút vốn tối đa và so với quy mô thanh khoản của thị trường, việc chuyển đổi tỷ lệ lớn giá trị của Quỹ thành tiền mặt trong thời gian ngắn có thể dẫn đến giá trị tài sản đầu tư của quỹ giảm mạnh và ảnh hưởng đến giá trị thực tế nhà đầu tư được nhận. Do đó, nhu cầu rút vốn của Nhà đầu tư có thể sẽ chỉ được đáp ứng một phần hoặc trong thời gian chậm hơn theo quy định.

Trong một số trường hợp bất khả kháng, Nhà Đầu tư có thể không được thực hiện lệnh bán chứng chỉ Quỹ DCBF trong thời gian chứng chỉ Quỹ được thông báo tạm ngừng giao dịch.

Công ty Quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán hoặc kéo dài thời hạn thanh toán trong các trường hợp được quy định tại Chương V mục 6. – “thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ” trong cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ tại Bản cáo bạch này.

Khi việc thực hiện giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư bị kéo dài hơn so với quy định do các lý do trên, Công ty Quản lý quỹ sẽ công bố thông tin về lý do và thời gian dự kiến để thực hiện bán cho nhà đầu tư.

Trong một số trường hợp, Quỹ DCBF có thể có tỷ trọng tiền khá lớn trong thời gian tìm kiếm cơ hội đầu tư.

#### 4.11. Rủi ro xung đột lợi ích

Công ty Quản lý quỹ cũng sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do Công ty Quản lý quỹ điều hành. Rủi ro này thuộc dạng rủi ro không hệ thống, có thể kiểm soát được bằng cách thiết lập “tường lửa thông tin” nội bộ nhằm hạn chế đến mức thấp nhất xung đột lợi ích giữa các quỹ đầu tư và sản phẩm tài chính đang được quản lý bởi công ty quản lý quỹ.

## V. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

### 1. Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư cần tiến hành các thủ tục và hồ sơ liên quan đến thủ tục mở tài khoản tại các Đại lý phân phối chỉ định trước khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ mở:

a. Đơn đăng ký mở tài khoản:



Nhà đầu tư thực hiện việc mua chứng chỉ quỹ lần đầu tiên cần điền đầy đủ thông tin vào Phiếu Đăng Ký Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở ("Phiếu Đăng Ký"). Phiếu Đăng Ký được cung cấp tại các Đại lý phân phối chỉ định của Quỹ và tại Công ty DCVFM hoặc trên trang thông tin điện tử của DCVFM. Phiếu Đăng Ký phải kèm theo bản sao hợp lệ các giấy tờ quy định trong Phiếu Đăng Ký. Nhà đầu tư nên lưu lại một bản Phiếu Đăng Ký và cập nhật cho các Đại lý phân phối các thông tin cung cấp trong Phiếu Đăng Ký mỗi khi có sự thay đổi. Thông tin này sẽ được lưu giữ trong Sổ Đăng Ký của Quỹ.

Nhà đầu tư có thể mở tài khoản tại các Đại lý phân phối khác nhau để giao dịch chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư cần nộp Phiếu Đăng Ký và các giấy tờ quy định để mở tài khoản giao dịch tại Đại lý phân phối mà nhà đầu tư muốn thực hiện giao dịch. Các tài khoản giao dịch tại các Đại lý phân phối khác nhau của cùng một nhà đầu tư được quản lý độc lập. Do đó, các quy định liên quan đến giao dịch và số dư tài khoản tối thiểu được áp dụng cho từng Đại lý phân phối.

#### b. Xử Lý Phiếu Đăng Ký/ Phiếu Đăng Ký Mua Chứng Chỉ Quỹ Mở:

Nhà đầu tư có thể nộp Phiếu Đăng Ký hoặc Phiếu Đăng Ký Mua Chứng Chỉ Quỹ Mở ("Lệnh Mua") sau khi điền đầy đủ các thông tin, kèm theo đầy đủ các giấy tờ yêu cầu tại Đại lý phân phối mà nhà đầu tư muốn thực hiện giao dịch. Danh sách các Đại lý phân phối của Quỹ được cập nhật tại Phụ lục 1 của Bản Cáo Bạch và trên trang thông tin điện tử của DCVFM.

Đại lý phân phối sẽ tập hợp các hồ sơ và chuyển thông tin cho Đại lý chuyển nhượng để tiến hành xử lý hồ sơ. Các hồ sơ không đầy đủ thông tin sẽ bị từ chối. Công ty quản lý quỹ được quyền Từ chối thực hiện các hồ sơ này của Nhà đầu tư trong trường hợp không tìm được cách giải quyết cho các vấn đề có thể phát sinh trong quá trình xử lý Phiếu Đăng Ký/Lệnh Mua.

#### c. Tuân Thủ:

Phiếu Đăng Ký và Lệnh Mua được soạn thảo để Công ty quản lý quỹ DCVFM có thể tuân thủ các quy định về Nhận Biết Khách Hàng ("KYC") và các quy định Phòng Chống Rửa Tiền ("AML"). Do đó các thông tin nhà đầu tư cung cấp liên quan đến Phiếu Đăng Ký và Lệnh Mua cần được hoàn tất đầy đủ và trung thực.

Theo qui định của pháp luật Việt Nam, tất cả các Nhà đầu tư bắt buộc phải cung cấp giấy tờ và các thông tin bổ sung theo quy định về KYC và AML. Nhà đầu tư nước ngoài có thể phải cung cấp các thông tin và khai báo bổ sung nhằm tuân thủ các quy định quốc tế. Các Phiếu Đăng Ký/Lệnh Mua không có đủ hồ sơ hoặc thông tin theo yêu cầu có thể bị từ chối. Nhà đầu tư phải đảm bảo rằng số tiền đầu tư phải từ nguồn hợp pháp và không có nguồn gốc từ các hành vi vi phạm pháp luật cũng như không vi phạm các điều khoản của các qui định về thuế thu nhập, quy định về AML, chống tham nhũng, chống hối lộ và/hoặc các luật áp dụng khác được ban hành bởi chính phủ Việt Nam hoặc chính phủ sở tại của nhà đầu tư tại các thời điểm khác nhau. Nhà đầu tư cư trú ngoài lãnh thổ Việt Nam muốn mua chứng chỉ Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định và luật áp dụng tại nước sở tại của mình. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về thuế, ngoại hối hay các quy định khác áp dụng đối với giao dịch mua và bán.

Theo quy định hiện tại của Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài cần mở một tài khoản đầu tư bằng tiền Đồng Việt Nam tại một ngân hàng thương mại ở Việt Nam và cần xin cấp mã giao dịch chứng khoán. Tất cả các giao dịch đầu tư, nhận cổ tức, mua ngoại tệ để chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài và các hoạt động liên quan khác đều phải được thực hiện qua tài khoản này. Nhà đầu tư cần tham khảo ý kiến tư vấn về luật và thuế để có thông tin phù hợp đối với các giao dịch của mình.

#### d. Chấp nhận Phiếu Đăng Ký/Lệnh giao dịch:

Phiếu Đăng ký/Lệnh giao dịch hợp lệ là phiếu theo mẫu quy định của Công ty quản lý quỹ DCVFM, được điền đầy đủ thông tin bắt buộc theo yêu cầu, không tẩy xóa, chỉnh sửa thông tin, và được gửi đến Đại lý phân phối trước thời điểm chốt sổ lệnh.

Đại lý phân phối có toàn quyền chấp nhận hay từ chối Phiếu Đăng Ký/Lệnh giao dịch căn cứ theo các điều khoản, quy định của Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch và các quy định về FATCA và AML.

Nhà đầu tư liên lạc với Đại lý phân phối nơi Nhà đầu tư đăng ký mở tài khoản giao dịch để được hướng dẫn cụ thể.

## 2. Quy định chung khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ

### a. Thời gian giao dịch chứng chỉ quỹ



- Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ DCBF là hàng tuần vào ngày Thứ Sáu, là ngày làm việc. Trường hợp ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày Lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quý. Trong trường hợp ngày giao dịch kế tiếp này cũng rơi vào ngày nghỉ Lễ, thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền sau ngày giao dịch đầu tiên bị rơi vào ngày nghỉ Lễ. Công ty Quản lý quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các ngày nghỉ dịp Lễ tết trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử.
- Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ DCBF sẽ chuyển sang hàng ngày vào các ngày làm việc trong tuần, ngoại trừ ngày làm việc bù rơi vào ngày thứ 7 và/hoặc Chủ Nhật. Thời điểm áp dụng cụ thể cho việc tăng tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ DCBF này sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo đến nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử
- Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

**b. Thời điểm đóng sổ lệnh**

- Là 14h30 phút ngày T-1 (thứ Năm hàng tuần), trong đó ngày T là ngày giao dịch và ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
- Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận Phiếu lệnh đặt mua/ bán/ chuyển đổi chứng chỉ quỹ và xác nhận tiền mua chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư/ người được nhà đầu tư ủy quyền đã được chuyển vào tài khoản của Quỹ để thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
- Lệnh giao dịch nhận sau thời điểm đóng sổ lệnh là lệnh không hợp lệ. Lệnh giao dịch này sẽ bị huỷ vào kỳ giao dịch đã đăng ký và được tự động chuyển sang thực hiện vào kỳ giao dịch kế tiếp gần nhất
- Trong trường hợp ngày đóng sổ lệnh rơi vào ngày ngày nghỉ Lễ thì việc nhận lệnh sẽ được thực hiện vào ngày làm việc liền trước đó. Công ty Quản lý quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, Đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh một cách cụ thể khi có các dịp Lễ xảy ra trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử.

**c. Hủy lệnh giao dịch:**

- Các lệnh giao dịch (mua, bán, chuyển đổi) có thể được huỷ trước Thời điểm đóng sổ lệnh. Việc thực hiện hủy lệnh sau Thời điểm đóng sổ lệnh được xem là không hợp lệ;
- Các lệnh giao dịch đã đăng ký trước đó không được huỷ một phần;
- Việc hủy lệnh phải được thực hiện tại các Đại lý Phân phối mà nhà đầu tư đã đăng ký giao dịch, và phải trước Thời điểm đóng sổ lệnh;
- Trong trường hợp nhà đầu tư huỷ lệnh Mua chứng chỉ quỹ sau khi đã chuyển số tiền đăng ký mua vào tài khoản Quỹ trước thời điểm đóng sổ lệnh, thì số tiền này sẽ được hoàn trả cho nhà đầu tư. Việc thanh toán tiền cho Nhà đầu tư trong trường hợp này sẽ phụ thuộc vào thời điểm mà Nhà đầu tư cập nhật thông tin cho Đại Lý Phân Phối. Công ty quản lý quỹ sẽ thanh toán cho nhà đầu tư trong thời gian sớm nhất có thể kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu của nhà đầu tư hoặc Đại lý phân phối nơi nhà đầu tư đăng ký thực hiện giao dịch. Các phí ngân hàng phát sinh từ việc hoàn trả lại tiền trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư chịu.

**d. Thời hạn xác nhận giao dịch:**

- Vào ngày giao dịch (ngày T), tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của nhà đầu tư tại sổ chính và cung cấp thông tin cho Đại lý phân phối để gửi nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch.

**e. Thời hạn thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư:**

- Trong vòng năm (05) ngày làm việc (T+5) kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, Quỹ DCBF sẽ thực hiện chuyển tiền mua lại chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trực tiếp từ tài khoản Quỹ đến tài khoản của nhà đầu tư hoặc đại lý ký danh bằng tiền Việt Nam Đồng hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định



sau khi có kết quả giao dịch chứng chỉ Quỹ. Trong trường hợp Quý thanh toán cho đại lý ký danh thì đại lý ký danh sẽ có trách nhiệm thanh toán chi tiết đến từng nhà đầu tư thực hiện bán chứng chỉ quỹ tại chính đại lý ký danh đó theo thỏa thuận giữa nhà đầu tư và đại lý ký danh;

- Trường hợp chuyển tiền mua lại chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư thông qua tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định chỉ được áp dụng khi Nhà đầu tư sử dụng tài khoản ví điện tử (đã được định danh Nhà đầu tư) tại công ty có giấy phép cung cấp dịch vụ ví điện tử hoặc dịch vụ trung gian thanh toán (đã được DCVFM chấp thuận) để nhận tiền.
- Trường hợp tiền bán chứng chỉ quỹ được thanh toán vào tài khoản ngân hàng do Nhà đầu tư chỉ định, Nhà đầu tư cần thực hiện đăng ký thông tin với Đại lý phân phối nơi Nhà đầu tư đăng ký giao dịch trước thời điểm chốt sổ lệnh tối thiểu 01 (một) ngày làm việc.
- Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền của giao dịch bán này sẽ do nhà đầu tư chịu.

### 3. Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ

- Giá giao dịch chứng chỉ Quỹ DCBF sẽ được xác định tại ngày giao dịch (ngày T) và giá trị tài sản ròng của Quỹ dùng để tính Giá giao dịch chứng chỉ quỹ DCBF sẽ được công bố đến nhà đầu tư trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở của Công ty Quản lý quỹ và theo các quy định về công bố thông tin.
- Giá giao dịch một đơn vị quỹ được xác định như sau:
  - Giá phát hành: là mức giá nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ.  
Giá phát hành này được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành chứng chỉ quỹ tại các ngày giao dịch sau khi chuyển đổi.
  - Giá mua lại: là mức giá mà Công ty Quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư.  
Giá mua lại được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại.
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ được xác định vào ngày thứ năm hàng tuần và được công bố đến nhà đầu tư trong vòng một (01) ngày làm việc kế tiếp trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở của Công ty Quản lý quỹ và theo các quy định về Công bố thông tin.

### 4. Thực hiện giao dịch mua chứng chỉ quỹ

- Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch mua khi đã hoàn tất thủ tục mở tài khoản giao dịch chứng chỉ Quỹ DCBF tại các Đại lý Phân phối chỉ định;
- *Giá trị giao dịch của lệnh mua không được nhỏ hơn giá trị mua tối thiểu là 100.000 (Một trăm nghìn) đồng.*
- Lệnh giao dịch mua chứng chỉ quỹ mở phải được điền đầy đủ thông tin và được gửi đến Đại lý Phân phối chỉ định trước Thời điểm đóng sổ lệnh, và tiền thanh toán mua chứng chỉ quỹ đã được chuyển đến tài khoản của Quỹ DCBF tại Ngân hàng giám sát bằng tiền Việt Nam Đồng trước thời điểm đóng sổ lệnh;
- Để tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền, trong một số trường hợp đặc biệt, Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát có thể yêu cầu nhà đầu tư cung cấp bổ sung thông tin trước khi ghi nhận khoản tiền mua chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư vào tài khoản của Quỹ, khoản tiền mua chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư thực hiện có thể được ghi nhận vào tài khoản của Quỹ sau thời điểm đóng sổ lệnh. Trong trường hợp này, Nhà đầu tư cần thực hiện đặt lệnh giao dịch mới để khớp lệnh cho phiên giao dịch tiếp theo của Quỹ hoặc yêu cầu công ty quản lý quỹ hoàn tiền về;
- Nhà đầu tư/người được Nhà đầu tư uỷ quyền thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ với nội dung chuyển khoản được công bố trên website của Dragon Capital Việt Nam tùy theo từng thời điểm;



- Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua của nhà đầu tư được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là nhà đầu tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của nhà đầu tư được hưởng lợi;
- Nhà đầu tư có thể thực hiện đặt nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax tùy theo khả năng đáp ứng của Đại lý phân phối chỉ định, việc thực hiện ở các hình thức này phải tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử và chứng khoán.
- Trong trường hợp tổng số tiền thanh toán lệnh mua ít hơn hoặc nhiều hơn số tiền đăng ký ghi trong Lệnh mua, và không thấp hơn giá trị mua tối thiểu, thì số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối sẽ căn cứ vào tổng số tiền thực tế đã được thanh toán. Nhà đầu tư mặc định ủy quyền cho Đại lý phân phối thực hiện điều chỉnh số tiền theo số tiền thực tế mà Nhà đầu tư nộp vào tài khoản để đáp ứng theo quy định này và xác nhận những điều chỉnh này trên hệ thống Đại lý chuyển nhượng;
- Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối sau khi đăng ký được tính theo công thức sau:

$$\text{Số lượng CCQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua } \times (1 - \text{Giá dịch vụ phát hành}(\%))}{\text{NAV của đơn vị quỹ sử dụng tại ngày giao dịch}}$$

**5. Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy**

**Thực hiện giao dịch bán chứng chỉ quỹ**

- Lệnh giao dịch bán phải được điền đầy đủ thông tin vào Phiếu đăng ký bán chứng chỉ quỹ và được gửi đến Đại lý Phân phối chỉ định trước Thời điểm đóng sổ lệnh.
- Nhà đầu tư có thể thực hiện đặt nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax tùy theo khả năng đáp ứng của Đại lý phân phối chỉ định, việc thực hiện ở các hình thức này phải tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử và chứng khoán. Phiếu lệnh gốc cần được gửi đến Đại lý phân phối chỉ định trong vòng 3 (ba) ngày kể từ thời điểm đóng sổ lệnh.
- Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán không được thấp hơn hai (2) đơn vị quỹ.
- Lệnh bán có thể không được thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Chương V, mục 6 – “*thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ*” của Bản cáo bạch này.
- Số tiền bán chứng chỉ quỹ được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị Bán được nhận} = \text{Số lượng CCQ được mua lại} \times \text{NAV của đơn vị quỹ tại ngày giao dịch} \times (1 - \text{Giá dịch vụ mua lại}(\%))$$

- Việc thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của nhà đầu tư chậm nhất là năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (T+5).
- Đối với các khoản thanh toán bị trả về từ ngân hàng thụ hưởng, Nhà đầu tư sẽ chịu các khoản chi phí phát sinh liên quan việc sửa lệnh (nếu có) nếu do lỗi của Nhà đầu tư. Việc thanh toán tiền cho Nhà đầu tư trong trường hợp này sẽ phụ thuộc vào thời điểm mà Nhà đầu tư sửa đổi, cập nhật thông tin tại Đại lý Phân Phối. Công ty quản lý quỹ sẽ thanh toán cho Nhà đầu tư trong thời gian sớm nhất có thể kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc Đại lý phân phối nơi nhà đầu tư đăng ký thực hiện giao dịch. Lưu ý rằng Quỹ sẽ không thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ bằng tiền mặt, vì vậy Nhà Đầu Tư có trách nhiệm đảm bảo các thông tin đã cung cấp cho Đại lý Phân Phối là chính xác. Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền của giao dịch bán này sẽ do nhà đầu tư chịu;
- Nhà đầu tư tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ thuế (nếu có) cho các giao dịch bán áp dụng theo quy định của pháp luật



## 6. Thực hiện giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ mở

- Nhà đầu tư có thể thực hiện việc chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các quỹ do Công ty DCVFM quản lý và có cùng tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng, ngoại trừ chuyển đổi qua Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn Lọc (VFMVSF) và số tiền chuyển đổi chứng chỉ quỹ sẽ phải đảm bảo mức tối thiểu của quỹ mục tiêu;

Giao dịch chuyển đổi chỉ áp dụng cho phương thức đầu tư linh hoạt;

- Việc thực hiện chuyển đổi chứng chỉ quỹ mở được thực hiện theo nguyên tắc: ngày thanh toán tiền bán chuyển đổi của Quỹ sẽ là ngày thực hiện thanh toán tiền mua chuyển đổi cho phiên giao dịch gần nhất của Quỹ mục tiêu;
- Công ty quản lý quỹ sẽ tiến hành cập nhật đầy đủ các quy định liên quan đến loại giao dịch này và thông tin cụ thể đến nhà đầu tư thông qua trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ và hệ thống đại lý phân phối.

## 7. Thực hiện một phần lệnh giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ

- Công ty Quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:
  - Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc
  - Việc thực hiện toàn bộ lệnh của nhà đầu tư dẫn tới:
    - Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc
    - Giá trị phần đơn vị quỹ hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của nhà đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
    - Số lượng đơn vị quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.
  - Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh bán của nhà đầu tư không thể thực hiện được do:
    - Tính thanh khoản của thị trường thấp;
    - Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ DCBF bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán.
- Đối với trường hợp quy định tại khoản a của mục 1 Điều này, công ty quản lý quỹ được kéo dài thời hạn Thanh toán tối đa 30 ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
- Đối với việc thực hiện một phần lệnh bán và chuyển đổi theo quy định tại khoản 1 của mục 6 nêu trên, Công ty Quản lý quỹ áp dụng nguyên tắc phân phối theo cùng tỷ lệ, cụ thể như sau:
  - Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch, sao cho tổng giá trị các lệnh bán tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ không vi phạm các điều kiện đáp ứng việc mua lại một phần lệnh bán của nhà đầu tư theo quy định tại khoản (a) và (b) tại (1) nêu trên. Số lượng chứng chỉ quỹ được mua lại trong trường hợp này được tính theo công thức sau:

$$X_i = SLDK_i * \frac{SLTT}{\sum SLDK_i}$$

Trong đó:

$X_i$ : số lượng chứng chỉ quỹ thực tế của nhà đầu tư được thực hiện (hay số lượng chứng chỉ quỹ khớp lệnh bán). Kết quả được làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

$SLDK_i$ : số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư đăng ký bán.



SLTT: tổng số lượng chứng chỉ quỹ mà Công ty Quản lý quỹ có thể đáp ứng cho lệnh bán của nhà đầu tư.

$\Sigma SLDKi$ : tổng số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán trong kỳ.

- Nếu nhà đầu tư muốn thực hiện tiếp các lệnh bán của mình thì nhà đầu tư tiến hành đăng ký giao dịch tại kỳ giao dịch kế tiếp.
- Các thông báo về phần lệnh được thực hiện hoặc khớp một phần hoặc bị hủy sẽ được cung cấp chi tiết trong báo cáo giao dịch và gửi đến nhà đầu tư.

4. Công ty quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- Công ty Quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
- Công ty Quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ mở do chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán;
- Các sự kiện khác mà Ủy ban chứng khoán nhà nước xét thấy là cần thiết;
- Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban Đại Diện Quỹ, Ủy ban chứng khoán nhà nước trong thời hạn hai bốn (24) giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại điểm này trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải tiếp tục thực hiện mua lại chứng chỉ quỹ mở ngay sau khi sự kiện này chấm dứt.

5. Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ không kéo dài quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.

6. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 5 điều này, Công ty Quản lý quỹ sẽ tổ chức họp để lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.

7. Trong thời hạn triệu tập đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập đại hội nhà đầu tư.

#### **8. Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...)**

- Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (như cho, biếu, tặng, thừa kế...) chứng chỉ quỹ cho một cá nhân/tổ chức khác được thực hiện tại Đại lý phân phối nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch;
- Nhà đầu tư/ người nhận chuyển nhượng điền đầy đủ các thông tin vào Phiếu đăng ký và cung cấp đầy đủ các văn bản, hồ sơ cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật cho Đại lý phân phối trước Thời điểm chốt sổ lệnh của mỗi ngày giao dịch;
- Nhà đầu tư/ người nhận chuyển nhượng không phải thanh toán giá dịch vụ chuyển nhượng phi thương mại cho Công ty Quản lý Quỹ;
- Nhà đầu tư/ người nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

#### **9. Người được ủy quyền từ nhà đầu tư**

- Nhà đầu tư có thể ủy quyền cho một cá nhân khác thực hiện việc các lệnh giao dịch mua/bán/chuyển đổi/hủy giao dịch và chuyển khoản tiền mua chứng chỉ Quỹ DCBF.
- Người được ủy quyền để đại diện giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng được các điều kiện quy định tại Thông tư 51/2021/TT-BTC về việc ban hành quy chế hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- *Nhà đầu tư phải điền thông tin người được ủy quyền vào Giấy đăng ký giao dịch chứng chỉ Quỹ DCBF về việc ủy quyền cho người thứ hai thực hiện các quyền và nghĩa vụ, và nộp đầy đủ các giấy tờ, hồ sơ theo yêu cầu. Thông tin người được ủy quyền sẽ không được thay đổi cho đến khi nhà đầu tư đăng ký lại người được ủy quyền tại các Đại lý Phân phối.*



## 10. Quy định khác về việc thực hiện đăng ký mua chứng chỉ quỹ mở DCBF

- Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức hoặc người được ủy quyền thanh toán tiền mua chứng chỉ Quỹ DCBF bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Quỹ DCBF trước thời điểm chốt sổ lệnh.
- Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua của nhà đầu tư được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là nhà đầu tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của nhà đầu tư được hưởng lợi
- Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức nước ngoài theo định nghĩa trong Thông tư 51/2021/TT-BTC của Bộ Tài Chính và Thông tư số 05/2014/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước phải thực hiện chuyển khoản từ chính "tài khoản góp vốn, mua cổ phần" (FIICA) của nhà đầu tư vào tài khoản của Quỹ DCBF đối với việc đăng ký mua chứng chỉ quỹ DCBF. Nhà đầu tư nộp giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản góp vốn, mua cổ phần (FIICA) cho Đại lý Phân phối tại thời điểm đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ mở.
- Việc chuyển khoản mua chứng chỉ Quỹ DCBF được chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng nào khác ngoài "tài khoản góp vốn, mua cổ phần" (FIICA) sẽ được xem là giao dịch không hợp lệ. Nhà đầu tư nước ngoài phải tự chịu trách nhiệm nếu số tiền chuyển khoản mua chứng chỉ quỹ DCBF không được chuyển khoản từ " tài khoản góp vốn, mua cổ phần" (FIICA) theo quy định của pháp luật.

## 11. Các trường hợp giao dịch không hợp lệ

Những trường hợp sau đây được xem là giao dịch không hợp lệ:

### 11.1. Các trường hợp giao dịch mua không hợp lệ

- a. Nhà đầu tư/người được ủy quyền hợp pháp thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ sau thời điểm đóng sổ lệnh.
- b. Các lệnh đặt mua chứng chỉ quỹ mở đến sau thời gian đóng sổ lệnh.
- c. Nhà đầu tư/người được ủy quyền thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ với nội dung chuyển khoản ngân hàng không chính xác như hướng dẫn chuyển tiền của DCVFM.
- d. Nhà đầu tư/người được ủy quyền thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ mà không ghi phiếu đặt lệnh mua chứng chỉ quỹ tại Đại lý Phân phối.
- e. Số tiền thanh toán mua thấp hơn số tiền đăng ký mua tối thiểu là 100.000 (Một trăm nghìn) đồng.

Công ty Quản lý quỹ sẽ chỉ thị ngân hàng giám sát chuyển trả lại số tiền này dựa trên đơn mở tài khoản của nhà đầu tư tại Đại lý phân phối hoặc Công ty quản lý quỹ đối với các giao dịch không hợp lệ thuộc mục e. Với các trường hợp khác không thuộc mục e, nhà đầu tư có thể chọn lựa giữ lại lệnh mua và chuyển lệnh sang kỳ giao dịch kế tiếp bằng cách thông báo cho Công ty quản lý Quỹ.

Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền của giao dịch không hợp lệ này sẽ do nhà đầu tư chịu. Việc thanh toán tiền cho Nhà đầu tư trong trường hợp này sẽ phụ thuộc vào thời điểm mà Nhà đầu tư cập nhật thông tin cho Đại lý Phân Phối. Công ty quản lý quỹ sẽ thanh toán cho Nhà đầu tư trong thời gian sớm nhất có thể kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc Đại lý phân phối nơi nhà đầu tư đăng ký thực hiện giao dịch.

### 11.2. Các trường hợp giao dịch bán không hợp lệ

- a. Số lượng chứng chỉ quỹ đặt bán nhiều hơn số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư đang sở hữu.
- b. Các lệnh đặt bán chứng chỉ quỹ mở đến sau thời điểm đóng sổ lệnh.

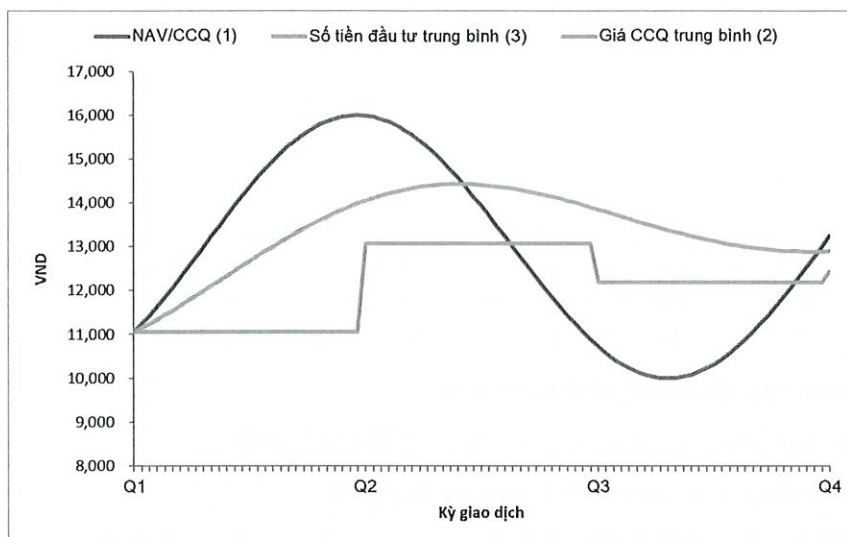
## 12. Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ iSAVING

### 12.1. Tổng quan:

Đầu tư định kỳ (iSAVING) là phương thức đầu tư thông minh, giúp nhà đầu tư đạt được các mục tiêu tài chính dài hạn trong tương lai thông qua việc tích lũy chứng chỉ quỹ một cách đều đặn, kỷ luật với một khoản tiền định kỳ.

Đầu tư chứng chỉ quỹ theo phương thức iSAVING giúp nhà đầu tư có được lợi ích về chi phí đầu tư thông qua nguyên tắc bình quân giá. Nhà đầu tư định kỳ mua vào các chứng chỉ quỹ với một khoản chi phí đầu tư cố định sẽ mua được số lượng chứng chỉ quỹ nhiều hơn hay ít hơn tùy theo giá của chứng chỉ quỹ tại thời điểm mua. Theo thời gian, khi tính bình quân lại các lần đầu tư, chi phí đầu tư trung bình trên mỗi đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ qua phương thức iSAVING thường thấp hơn giá trung bình của các đơn vị chứng chỉ quỹ, từ đó tạo ra lợi ích về chi phí cho nhà đầu tư.

### **Minh họa nguyên tắc bình quân giá của chương trình iSAVING**



#### **Ghi chú:**

- (1) NAV trên mỗi chứng chỉ quỹ trong mỗi kỳ giao dịch.
- (2) Giá trung bình của chứng chỉ quỹ nếu nhà đầu tư mua số lượng chứng chỉ quỹ cố định cho mỗi kỳ giao dịch.
- (3) Số tiền đầu tư trung bình trên mỗi chứng chỉ quỹ nếu đầu tư một khoản định kỳ tại giá NAV của ngày giao dịch.

### **12.2. Thủ tục tham gia:**

Để sử dụng tiện ích iSAVING, nhà đầu tư cần thực hiện đầy đủ các bước sau:

1. Mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở
2. Đăng ký sử dụng đầu tư iSAVING kèm theo tài sản đầu tư, tại mỗi đại lý phân phối sẽ có hướng dẫn quy trình đăng ký riêng cho nhà đầu tư
3. Chuyển khoản tiền đầu tư iSAVING vào tài khoản của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát theo tài sản đầu tư đã đăng ký ở bước 2.

### **12.3. Cách thức hoạt động**

- a. **Lệnh Mua:** Tại kỳ giao dịch đầu tiên, sau khi nhận được Lệnh Mua từ nhà đầu tư và xác nhận tiền đã vào tài khoản của quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát, hệ thống của DCVFM sẽ thực hiện mua chứng chỉ quỹ vào ngày giao dịch gần nhất. Tại các kỳ giao dịch tiếp theo, nhà đầu tư không cần đặt lại lệnh Mua mà chỉ cần chuyển khoản tiền mua chứng chỉ quỹ, hệ thống sẽ tự động khởi tạo lệnh Mua tương ứng với số tiền Quỹ nhận. Mỗi kỳ giao dịch sẽ có tối đa một (01) lệnh được khởi tạo.
- b. **Lệnh Bán:** Nhà đầu tư đặt lệnh Bán như hướng dẫn tại mục 5, chương V của Bản cáo bạch này. Lệnh Bán sẽ được thực hiện theo nguyên tắc FIFO vào ngày giao dịch gần nhất sau khi hệ thống của DCVFM nhận được yêu cầu bán.
- c. **Hủy lệnh định kỳ:** Nhà đầu tư có thể chấm dứt chương trình bằng cách thực hiện Yêu cầu Hủy lệnh định kỳ iSAVING trên ứng dụng giao dịch trực tuyến hoặc tại đại lý phân phối của DCVFM. Hệ thống sẽ không tiếp tục khởi tạo lệnh sau khi nhận được yêu cầu Hủy.
- d. **Ngày giao dịch (ngày T):** Ngày giao dịch iSAVING là ngày giao dịch gần nhất sau ngày Quỹ nhận được Lệnh Mua và tiền đầu tư định kỳ hoặc Lệnh Bán từ nhà đầu tư.



e. **Ngày thanh toán định kỳ:** Ngày thanh toán định kỳ của iSAVING là ngày nhà đầu tư thực hiện chuyển khoản tiền đầu tư định kỳ vào tài khoản của quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát. Tùy theo tần suất định kỳ đã đăng ký, ngày thanh toán có thể là bất kỳ ngày làm việc nào trước ngày giao dịch cuối cùng trong khung thời gian của tần suất định kỳ đã đăng ký. Trong trường hợp ngày thanh toán rơi vào sau ngày giao dịch cuối cùng trong khung thời gian của tần suất định kỳ đã đăng ký, số tiền thanh toán này sẽ tự động được chuyển sang ngày giao dịch định kỳ kế tiếp trừ trường hợp nhà đầu tư gửi chỉ thị đến Đại lý phân phối và Công ty Quản lý Quỹ yêu cầu hoàn trả lại khoản thanh toán này.

f. **Hình thức thanh toán**

- Việc thanh toán tiền đầu tư định kỳ được thực hiện theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản của quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát; hoặc thanh toán tự động trích từ tài khoản ngân hàng đã đăng ký trước của nhà đầu tư đến tài khoản của quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát. Nhà đầu tư có thể liên lạc với nơi mở tài khoản ngân hàng để thực hiện các lệnh chờ thanh toán với một số tiền và tần suất thanh toán cố định cho việc thanh toán định kỳ của iSAVING.
- Giao dịch mua chứng chỉ quỹ sẽ không được thực hiện đối với những kỳ không được thanh toán.
- Trường hợp nhà đầu tư thanh toán tiền đầu tư định kỳ nhiều hơn một lần trong khung thời gian thuộc tần suất định kỳ đã đăng ký: "Lệnh Mua sẽ khớp cho toàn bộ số tiền mà Quý nhận được trước thời điểm chốt sổ lệnh của kỳ giao dịch gần nhất thuộc tần suất định kỳ, các khoản tiền mà Quý nhận được sau thời điểm chốt sổ lệnh của kỳ giao dịch gần nhất thuộc tần suất định kỳ sẽ được xử lý theo quy định tại khoản 11.1, chương V của bản cáo bạch này."

g. **Tiền đầu tư định kỳ iSAVING**

- Số tiền tối thiểu để tham gia đầu tư iSAVING là 100 ngàn đồng/kỳ thanh toán.
- Trường hợp số tiền thanh toán định kỳ của nhà đầu tư ít hơn số tiền tối thiểu thì DCVFM sẽ phối hợp với Ngân Hàng Giám Sát để xử lý số tiền này dựa trên khoản 11.1, chương V bản cáo bạch này. Nhà đầu tư xem như không thực hiện thanh toán cho kỳ giao dịch này do số tiền thanh toán định kỳ không hợp lệ.

**12.4. Giá dịch vụ áp dụng**

Giá dịch vụ phát hành không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.

Giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.

**VI. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ, NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, VÀ CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN KHÁC**

**1. Thông tin chung về Công ty Quản lý quỹ DCVFM**

Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Dragon Capital Việt Nam được thành lập dựa trên sự hợp tác toàn diện giữa hai tổ chức tài chính hàng đầu Việt Nam là Dragon Capital Group và Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam (VFM).

Với bề dày hơn 25 năm hoạt động tại Việt Nam, Dragon Capital Việt Nam là công ty quản lý quỹ có lịch sử hoạt động lâu đời nhất và đồng hành cùng những mốc son lịch sử của nền kinh tế Việt Nam.

Tổng quy mô tài sản mà Dragon Capital Group đang quản lý tính đến ngày 31/12/2020 là hơn 77,000 tỷ đồng (gần 4 tỷ Đô La).

Công ty có rõ sản phẩm và dịch vụ đa dạng nhất trên thị trường như quỹ đầu tư cổ phiếu, quỹ đầu tư trái phiếu, quỹ ETF, quỹ trái phiếu thu nhập cố định, dịch vụ quản lý danh mục đầu tư,... có thể đáp ứng các nhu cầu khác nhau của nhà đầu tư trong nước và quốc tế dù ở là phân khúc cá nhân hay tổ chức.

Các cổ đông của công ty Quản lý Quỹ góp vốn khi thành lập năm 2003:

Tên cổ đông	Giá trị góp vốn pháp định theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín	5.600.000.000	70,00%

Dragon Capital Management Limited	2.400.000.000	30,00%
	<b>8.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

Các cổ đông của công ty Quản lý Quỹ sở hữu từ 5% trở lên vốn điều lệ tại 30/12/2020:

Tên cổ đông	Giá trị góp vốn theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu
Dragon Capital Management (HK) Limited	107.135.190.000	49,88%
Dragon Capital Markets (Europe) Limited	101.336.840,000	47,18%
Khác	6.300.000.000	2,94%
	<b>214.772.030.000</b>	<b>100,00%</b>

### 1.1 Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng Quản trị của Công ty DCVFM

- Ông Dominic Scriven                      Chủ tịch
- Ông Trần Thanh Tân                      Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Lê Anh Minh                        Thành viên HĐQT
- Ông Beat Schurch                        Thành viên HĐQT
- Ông Johan Nyvene                        Thành viên HĐQT

Chi tiết của các thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty DCVFM được trình bày ở website Công ty DCVFM tại địa chỉ [www.dragoncapital.com.vn](http://www.dragoncapital.com.vn).

### 1.2 Giới thiệu về cơ cấu Ban điều hành Công ty quản lý quỹ DCVFM

- Ông Beat Schurch                        Tổng Giám Đốc, người đại diện Pháp Luật.

Chi tiết của các thành viên trong Ban điều hành của Công ty DCVFM được trình bày ở website Công ty DCVFM tại địa chỉ [www.dragoncapital.com.vn](http://www.dragoncapital.com.vn).

### 1.3 Giới thiệu Ban điều hành Quỹ

- Bà Lương Thị Mỹ Hạnh                      Người điều hành Quỹ DCBF
- Ông Bùi Minh Long                        Người điều hành Quỹ DCBF

### 1.4 Tình hình hoạt động của Công ty DCVFM

Năm	Doanh thu (VND)	Lợi nhuận (VND)
2016	34.023.684.228	585.439.355
2017	50.533.240.186	14.286.116.321
2018	128.754.428.021	44.836.512.858
2019	92.291.195.197	5.516.891.736
2020	90.571.658.131	24.284.283.496

Các thông tin về hoạt động trong quá khứ của công ty quản lý quỹ, không hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty quản lý quỹ trong tương lai.



Các quỹ do công ty DCVFM đang quản lý:

- Quỹ đầu tư Chứng Khoán Năng Động DC (DCDS)
- Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng Đầu DC (DCBC)
- Quỹ đầu tư Trái phiếu DC (DCBS)
- Quỹ đầu tư Trái phiếu gia tăng thu nhập cố định DC (DCIP)
- Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn Lọc (VFMVSF)
- Quỹ ETF DCVFMVN30
- Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND

*Chi tiết về các quỹ có thể tham khảo tại mục Sản Phẩm trang thông tin điện tử [www.dragoncapital.com.vn](http://www.dragoncapital.com.vn).*

- Dịch vụ quản lý danh mục đầu tư:

Đây là dịch vụ tài chính đặc thù được triển khai từ năm 2008 nhằm phục vụ cho nhu cầu đầu tư riêng biệt của từng khách hàng khác nhau. Với kinh nghiệm quản lý quỹ lâu năm tại thị trường Việt Nam, dịch vụ quản lý danh mục đầu tư của công ty DCVFM sẽ thay mặt khách hàng thực hiện các mục tiêu đầu tư theo từng nhu cầu riêng biệt. Trong đó, công ty DCVFM được ủy thác đầu tư và quản lý tài sản của khách hàng, như thế sẽ giúp cho khách hàng có nhiều thời gian tập trung vào hoạt động kinh doanh chính của mình hơn. Khi tham gia dịch vụ này, tùy vào mức độ chấp nhận rủi ro của nhà đầu tư, đội ngũ quản lý năng động của chúng tôi sẽ tư vấn và đề ra kế hoạch triển khai cụ thể dựa trên mục tiêu đầu tư là tối đa hóa lợi nhuận hay tìm kiếm thu nhập ổn định, lâu dài. Đối tượng khách hàng được tập trung bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và pháp nhân có số vốn lớn và các tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài.

*Các thông tin về hoạt động của Công ty quản lý quỹ DCVFM trong quá khứ không có hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty trong tương lai.*

## **2. Tổ chức tư vấn đầu tư - Dragon Capital Debt Management**

Quỹ DCBF được quản lý và điều hành bởi công ty DCVFM với sự hỗ trợ kỹ thuật từ Dragon Capital Debt Management Limited (DCDM). DCDM là công ty thành viên của Dragon Capital Group được thành lập từ năm 2007 và hiện đang quản lý hai quỹ đầu tư vào trái phiếu do chính phủ và công ty Việt Nam phát hành. Các quỹ này bao gồm: Vietnam Debt Fund A và Vietnam Debt Fund B (VDeF A & B). Thông tin chi tiết về kết quả hoạt động của hai quỹ nêu trên được trình bày tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này.

Công ty DCDM đã có sự phát triển nhanh chóng trong các hoạt động và quy mô công ty kể từ khi thành lập. Ông Dan Svensson là giám đốc của DCDM. Ông Dan Svensson đã đóng góp rất nhiều công sức liên quan đến việc quản lý các quỹ VDeF A & B từ khi thành lập. Ông Dan Svensson có trên 25 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính và đã nhận được học bổng Fullbright để hoàn thành và tốt nghiệp bằng Thạc sỹ chuyên ngành tài chính và Thạc sỹ quản trị kinh doanh từ học viện Berkeley, đại học California, Mỹ vào năm 1987. Hiện nay ông Dan Svensson là thành viên Hội đồng tư vấn của diễn đàn thị trường Trái phiếu Việt Nam và đã nhiều năm tư vấn cho Bộ tài chính trong dự án cải tổ thị trường trái phiếu.

Công ty DCDM hỗ trợ công ty DCVFM trong việc xây dựng mục tiêu đầu tư, chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản cho quỹ đầu tư DCBF và hỗ trợ các vấn đề kỹ thuật trong quá trình thực hiện đầu tư và quản lý quỹ DCBF. Trong mức độ cho phép theo quy định của pháp luật Việt Nam, ông Dan Svensson và các cộng sự tại DCDM sẽ hỗ trợ DCVFM trong các hoạt động nêu trên.

Các kinh nghiệm có được trong quá trình quản lý và đầu tư quỹ VDeF A và B sẽ được sử dụng cho quỹ DCBF. Mô hình định mức tín nhiệm cho trái phiếu doanh nghiệp do DCDM nghiên cứu và phát triển sẽ được tiếp tục phát triển cùng với sự hợp tác của DCVFM và được sử dụng trong quá trình đầu tư của DCBF.

## **3. Ngân Hàng Giám Sát**

### **Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Phòng CP1.L01 & CP2.L01, Capital Place, 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-4) 3936 8000 Fax: (84-4) 38378356

Là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, theo Giấy phép thành lập Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 236/GP-NHNN do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng



09 năm 2008 và Quyết định số 1477/QĐ-NHNN do NHNN cấp ngày 25 tháng 08 năm 2022 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 05 năm 2015, cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.

Ngân hàng Giám sát chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến hoạt động của ngân hàng giám sát theo quy định tại Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát.

#### 4. Công ty Kiểm Toán

Hàng năm, Công ty Quản lý quỹ DCVFM sẽ đề xuất ít nhất 02 Công ty kiểm toán để trình Đại hội nhà đầu tư lựa chọn. Công ty kiểm toán được lựa chọn sẽ thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ DCBF, để đảm bảo tính chính xác các số liệu báo cáo cho Nhà đầu tư.

Công ty kiểm toán dự kiến của Quỹ DCBF sẽ là Công ty PriceWaterhouseCooper (PWC), Công ty KPMG hoặc Công ty Kiểm toán Ernst & Young.

#### 5. Tổ Chức Được Ủy Quyền

a. Tổ chức ủy quyền cho hoạt động: **Dịch vụ quản trị Quỹ**

##### **Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)**

Văn phòng chính: Tầng 3, Phòng CP1.L01 & CP2.L01, Capital Place, 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-4) 3936 8000 Fax: (84-4) 38378356

Căn cứ vào nhu cầu, năng lực, uy tín và kinh nghiệm của SCBVL, DCVFM đã ủy quyền cho ngân hàng SCBVL cung cấp các dịch vụ ủy quyền bao gồm: dịch vụ quản trị quỹ đầu tư.

Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ chịu trách nhiệm trong phạm vi liên quan đến dịch vụ cung cấp theo quy định tại hợp đồng dịch vụ ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ

b. Tổ chức ủy quyền cho hoạt động: **Đại lý chuyển nhượng**

##### **TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VSD)**

Địa chỉ: Số 112 đường Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: + 84 24 39747123 Fax: + 84 4 39747120

#### VII. DANH SÁCH ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Chứng chỉ quỹ sẽ được phân phối thông qua các tổ chức được chỉ định và được liệt kê tại Phụ lục 2 của Bản cáo bạch này.

#### VIII. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

##### 1. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

- Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ do Tổ chức được Công ty Quản lý quỹ ủy quyền lập và phải có xác nhận của ngân hàng giám sát về việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được Công ty Quản lý quỹ chấp thuận. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát (trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.



- Giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ được xác định 1 tuần một lần và được công bố trên các trang thông tin điện tử trong ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá của công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi có xác nhận của ngân hàng lưu ký, giám sát và có giá trị cho đến khi có thông báo mới. Công ty Quản lý quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp này công ty Quản lý quỹ và ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác là phù hợp Điều lệ quỹ, sổ tay định giá và các quy định của pháp luật. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá, giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định của chế độ kế toán Quỹ mở. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của quỹ được hạch toán vào quỹ.

## 2. Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

### a. Ngày định giá:

Ngày định giá là ngày thứ Sáu hàng tuần (với kỳ định giá hàng tuần) và là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (với kỳ định giá hàng tháng). Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó, ngoại trừ kỳ định giá tháng thì vẫn là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.

### b. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng:

Giá trị tài sản ròng (NAV) của quỹ bằng tổng giá trị các tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ tại ngày trước ngày định giá. Tổng nợ phải trả của quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá thị trường có biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản).

Ngân hàng giám sát sẽ thực hiện giám sát việc xác định giá tài sản ròng (bao gồm tổng tài sản và tổng nợ phải trả) của Quỹ đồng thời sẽ thực hiện kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ.

Cụ thể được xác định theo phương thức sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>		
1	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền trong các tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá
2	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá.
3	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá và theo hướng dẫn tại Sổ tay định giá đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt.
4	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo phương pháp định giá được đề cập trong Sổ tay định giá đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.
<b>Trái phiếu</b>		
5	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân gia quyền cho các giao dịch thông thường (outright) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). Trong các trường hợp sau: * Không có giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá; hoặc



		<p>+ Chỉ có các giao dịch trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán với giá có biến động bất thường chi tiết được đề cập trong Sổ tay Định giá</p> <p>thì giá trái phiếu thực hiện theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.</p>
6	Trái phiếu không niêm yết	<p>- Giá trị trung bình (giá sạch) của các giao dịch thành công tại ngày gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt cộng lãi lũy kế (*).</p> <p>Trường hợp có một (01) tổ chức báo giá không xác định được giá thì giá trái phiếu là giá trị trung bình (giá sạch) của các giao dịch thành công tại ngày gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của hai (02) tổ chức báo giá cộng lãi lũy kế (*).</p> <p>Trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá; hoặc</li> <li>- có đủ báo giá nhưng có từ hai (02) đến ba (03) tổ chức báo giá không xác định được giá; hoặc</li> <li>- giá trung bình nêu trên (*) có biến động bất thường theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá,</li> </ul> <p>thì giá trái phiếu thực hiện theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.</p>
7	Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi	- Phương pháp đã được BDD quỹ chấp thuận.
8	Trái phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	- Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quỹ chấp thuận.
<b>Cổ phiếu</b>		
9	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán. Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom.	<p>- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 90 ngày trước ngày định giá;</li> <li>+ Giá mua; (giá cost)</li> <li>+ Giá trị sổ sách;</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quỹ chấp thuận</li> </ul> <p>Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá đóng cửa cuối cùng của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</p> <p>Trường hợp cổ phiếu được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên thì định giá như trường hợp cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết.</p>
10	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị sổ sách;</li> <li>- Mệnh giá;</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quỹ chấp thuận;</li> </ul>



11	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá;</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quỹ chấp thuận.</li> </ul>
12	Cổ phần, vốn góp khác (bao gồm cả cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng đang trong quá trình làm thủ tục niêm yết)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị trung bình của các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</li> <li>- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trung bình từ hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan và được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt;</li> <li>+ Giá của kỳ định giá gần nhất nhưng không quá 90 ngày tính đến ngày trước ngày định giá;</li> <li>+ Giá mua;</li> <li>+ Giá trị sổ sách;</li> <li>+ Giá xác định theo Mô hình lý thuyết đã được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>
<b>Chứng chỉ quỹ</b>		
13	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá được xác định là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ của chứng chỉ quỹ đó được công bố thông tin trên website công ty quản lý quỹ đó; hoặc trên Sở giao dịch; hoặc trên website UBCKNN theo chi tiết tại Sở tay định giá;</li> <li>+ Giá mua (giá cost);</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>
14	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày định giá gần nhất của chứng chỉ quỹ đó trước ngày định giá của Quỹ DCBF.
<b>Chứng khoán phái sinh</b>		
15	Chứng khoán phái sinh niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thanh toán cuối ngày theo quy định hoặc tên gọi khác được yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trong ngày đáo hạn thì giá thanh toán cuối ngày là giá thanh toán cuối cùng được Trung tâm lưu ký chứng khoán công bố.</li> <li>- Trong trường hợp không có giá thanh toán cuối ngày hoặc không có giá yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá, giá sẽ được xác định theo Phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul>

16	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được BDD quỹ chấp thuận.
17	Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh	Được quy định chi tiết tại điểm c Điều này.
<b>Các tài sản khác</b>		
18	Các tài sản được phép đầu tư khác	Tùy theo từng trường hợp cụ thể, giá của các tài sản sẽ được xác định một cách phù hợp theo một trong các phương pháp sau đây: Giá trị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do ít nhất 02 (hai) tổ chức báo giá cung cấp; hoặc Theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế: là khoản lãi tính từ ngày trả lãi gần nhất tới ngày trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương.
- Trong các tình huống phát sinh khác không thể xác định được phương thức định giá thì sẽ được áp dụng theo hướng dẫn chi tiết tại Sổ tay định giá đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
- Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) = Tổng tài sản của quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (NAV/ccq) bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch trước ngày định giá. NAV/ccq được lấy đến 2 chữ số thập phân.

c. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

- Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
- Khi tính giá trị cam kết, Công ty Quản lý quỹ được áp dụng:
  - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
  - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
  - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn <sup>1</sup> điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta <sup>2</sup>
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn <sup>3</sup> điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại



4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty Quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ chấp thuận

Ghi chú:

<sup>1</sup> Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

<sup>2</sup> Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

<sup>3</sup> Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

## IX. GIÁ DỊCH VỤ, PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

### 1. Các loại phí, giá dịch vụ do nhà đầu tư trả

#### 1.1 Giá dịch vụ phát hành tại các lần giao dịch

- Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư trả cho Công ty Quản lý quỹ khi mua một đơn vị Quỹ DCBF. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch (số tiền đăng ký mua) chứng chỉ Quỹ DCBF.
- Giá dịch vụ phát hành không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.
- Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ có quy định dẫn đến sự thay đổi giá dịch vụ phát hành trong một khoản thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và các Đại lý phân phối hoặc theo quy định pháp luật. Nếu có nhiều quy định về giá dịch vụ áp dụng trong cùng thời điểm, quy định nào có lợi cho nhà đầu tư sẽ được ưu tiên áp dụng.

#### 1.2 Giá dịch vụ mua lại

- Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả cho công ty quản lý quỹ khi bán một đơn vị quỹ tại mỗi kỳ giao dịch, Giá dịch vụ này được trừ đi từ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ và được khấu trừ ngay khi quỹ thanh toán cho nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện được.
- Giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Các mức giá dịch vụ cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ
- Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ được xác định theo nguyên tắc “mua trước bán trước” (FIFO);
- Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ có quy định dẫn đến sự thay đổi giá dịch vụ mua lại trong một khoản thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và các Đại lý phân phối hoặc theo quy định pháp luật, Nếu có nhiều quy định về giá áp dụng trong cùng thời điểm, quy định nào có lợi cho nhà đầu tư sẽ được ưu tiên áp dụng.

#### 1.3 Giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ

- Giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ được tính trên giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi.
- Giá dịch vụ chuyển đổi không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. Các mức phí giá dịch vụ cụ thể được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác
- Trong trường hợp Công ty quản lý quỹ có quy định dẫn đến sự thay đổi giá dịch vụ chuyển đổi trong một khoản thời gian cố định, công ty sẽ có thông tin cụ thể và thông báo nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và các Đại lý phân phối hoặc theo quy định pháp luật, Nếu có nhiều quy định về giá dịch vụ áp dụng trong cùng thời điểm, quy định nào có lợi cho nhà đầu tư sẽ được ưu tiên áp dụng.



## 2. Các loại phí, giá dịch vụ do Quỹ trả

### 2.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ

- Giá dịch vụ quản lý là 1,2% giá trị tài sản ròng của Quỹ DCBF/năm tài chính. Giá dịch vụ này được trả cho Công ty Quản lý quỹ DCVFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ
- Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ quản lý được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý trong tháng = [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ quản lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

### 2.2 Giá dịch vụ lưu ký và giám sát

- Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng;
- Giá dịch vụ giám sát tối đa là 0,04% NAV/năm chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có);
- Giá dịch vụ lưu ký tối đa là 0,04% NAV/năm chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có);
- Mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 100.000 đồng/giao dịch;
- Tổng giá dịch vụ giám sát, lưu ký tuân thủ theo quy định của pháp luật (nếu có);
- Mức giá dịch vụ trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, phí sửa đổi/ hủy bỏ giao dịch, phí đăng ký cổ phiếu từ chưa niêm yết sang niêm yết hay từ trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu, v.v....
- Công thức tính giá dịch vụ giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ giám sát, lưu ký được xác định như sau:

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ giám sát, lưu ký của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

- Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

### 2.3 Giá dịch vụ quản trị quỹ

- Giá dịch vụ quản trị quỹ là mức giá dịch vụ do Quỹ DCBF trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ;
- Giá dịch vụ quản trị quỹ tối đa là 0,03% NAV/năm chưa bao gồm thuế GTGT (nếu có);
- Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.



- Công thức tính giá dịch vụ \ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:  
 Giá dịch vụ \ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)
- Trong trường hợp theo quy định Quỹ phải xác định NAV hàng tháng thì giá dịch vụ quản trị quỹ được xác định như sau:  
 Giá dịch vụ quản trị quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến trước ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ quản trị quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá cuối tháng x số ngày lễ thực tế còn lại trong tháng/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]
- Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được qui định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.
- Tổng giá dịch vụ Giám sát, Lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu hàng tháng và chi tiết các khoản được quy định cụ thể trong hợp đồng dịch vụ lưu ký, giám sát và quản trị quỹ.

#### 2.4 Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức giá do Quỹ chi trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.
- Giá duy trì dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10 triệu đồng/tháng chưa bao gồm thuế GTGT theo quy định hiện hành và được trả hàng tháng.
- Công thức tính giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau:  
 Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho kỳ định giá = Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng tháng/ số ngày thực tế của tháng x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá
- Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng. Ngoài ra, Quỹ sẽ trả các chi phí liên quan đến việc thực hiện quyền cho Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.  
 Tỷ lệ tổng chi phí của Quỹ (TERo) sẽ được giới hạn ở hạn mức 1.5% NAV/năm (NAV dùng để tính phí). Tổng chi phí cho mục đích tính TERo bao gồm tất cả các chi phí hoạt động của Quỹ.(ngoại trừ phí giao dịch đầu tư)  
 Phần vượt hạn mức TERo 1.5%NAV/năm sẽ được giảm trừ vào chi phí quản lý quỹ và có hiệu lực từ ngày 06/07/2022 cho đến khi có thông báo khác trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ DCVFM.

#### 2.5 Các loại phí và lệ phí khác

Các chi phí khác của Quỹ gồm:

1. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
2. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
3. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
4. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ;
5. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
6. Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của nhà đầu tư;
7. Thù lao và chi phí công tác cho Ban đại diện Quỹ;
8. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định;
9. Chi về bảo hiểm (nếu có);
10. Phí nộp cơ quan quản lý (phí xin giấy phép quỹ);
11. Thuế, giá dịch vụ, phí, lệ phí mà quỹ phải thanh toán theo quy định của Pháp luật;



12. Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của Pháp luật;
13. Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.
14. Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát (nếu có) hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác;
15. Giá dịch vụ môi giới, giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của quỹ phải trả cho công ty chứng khoán không bao gồm bất kỳ một loại giá dịch vụ nào khác, kể cả đó là giá dịch vụ trả cho dịch vụ khác hoặc giá dịch vụ trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm);
16. Công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối chịu trách nhiệm thanh toán chi phí in ấn, phát hành các ấn phẩm quảng cáo, thông tin về sản phẩm quỹ.

### 3. Các chỉ tiêu hoạt động

#### 3.1 Tỷ lệ chi phí của quỹ

Chi phí hoạt động của quỹ là các khoản chi phí sau thuế sau:

- a. Chi phí quản lý tài sản trả cho Công ty quản lý quỹ;
- b. Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát trả cho, Ngân hàng lưu ký, Ngân hàng giám sát;
- c. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
- d. Các chi phí khác bao gồm:
  - Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
  - Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện quỹ;
  - Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
  - Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ.

Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm, Công ty Quản lý quỹ sẽ công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động quỹ và tốc độ vòng quay danh mục của quỹ trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối sau khi được Ngân hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác.

Tỷ lệ chi phí của quỹ xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của quỹ} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo}}$$

Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo là tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ tính tại các ngày định giá chia cho số ngày định giá chứng chỉ Quỹ trong kỳ báo cáo.

Trường hợp quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí được xác định theo công thức sau :

$$\text{Tỷ lệ chi phí (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 365 \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

#### 3.2 Tốc độ vòng quay danh mục của quỹ

Trong quá trình hoạt động, Quỹ sẽ phát sinh các chi phí liên quan đến giao dịch mua và bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán ("quay vòng"). Số lượng và giá trị các giao dịch mua/bán cổ phiếu càng lớn thì các chi phí liên quan đến giao dịch càng nhiều, do đó sẽ ảnh hưởng tới kết quả chung của Quỹ DCBF. Tốc độ vòng



quay danh mục của Quỹ là chỉ tiêu phản ánh ảnh hưởng của hoạt động mua/bán trên tới kết quả của Quỹ đầu tư.

Chỉ tiêu Tốc độ vòng quay danh mục đầu tư của Quỹ DCBF được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm}}$$

Trường hợp quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức sau :

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình của các kỳ định giá hàng tuần trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ DCBF được công bố trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm, trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối sau khi được Ngân hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác.

## **X. DỰ BÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA QUỸ**

### **1. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ**

Các dự báo, ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô trong bản cáo bạch này không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ.

### **2. Phân phối lợi nhuận**

- Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, quỹ DCBF sẽ không phân phối lợi nhuận.
- Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ được tích lũy làm gia tăng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

## **XI. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH**

a. Công ty Quản lý quỹ sẽ:

- Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty Quản lý quỹ quản lý;
- Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty Quản lý quỹ quản lý.

b. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý quỹ sẽ được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;

c. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

## **XII. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ DCBF và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;



## **PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHÍNH THỨC VÀ ĐỊA ĐIỂM CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DC (DCBF)**

*(áp dụng từ khi Quỹ đầu tư DCBF được cấp giấy phép từ UBCKNN đến khi có thông báo mới)*

Chứng chỉ Quỹ đầu tư trái phiếu Việt Nam (DCBF) được phân phối thông qua các đại lý chính thức sau:

1. Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Dragon Capital Việt nam – DCVFM  
Số Tài khoản ngân hàng nộp tiền: **90183711704**  
Trụ sở chính tại Tp Hồ Chí Minh
  - o Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
  - o Điện thoại: (84-28) 3825 1488 Fax: (84-28) 3825 1489
2. Ngoài DCVFM, đại lý phân phối còn bao gồm các công ty trong danh sách Đại lý phân phối được cập nhật liên tục trên trang thông tin điện tử [www.dragoncapital.com.vn](http://www.dragoncapital.com.vn).

